

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 - MÔN TOÁN 12- NĂM HỌC 2025 – 2026

Thời gian làm bài: 90 phút

| Học vấn môn học | | Năng lực toán học | | | | | | | | |
|--|--|--------------------------------|------------|----|-------------------------------|---|--|-----------|---------------------------|--------------------------|
| Chủ đề | Nội dung | NL tư duy và lập luận toán học | | | NL giải quyết vấn đề toán học | | | | NL mô hình hóa toán học | |
| | | Cấp độ tư duy | | | Cấp độ tư duy | | | | Cấp độ tư duy | |
| | | Nhận Biết | Thông Hiểu | VD | Nhận Biết | Thông Hiểu | VD | Nhận Biết | Thông Hiểu | VD |
| Chương IV. Nguyên Hàm – Tích Phân | Nguyên hàm | TN1 | TN2 | | | | TLN1 Bài toán kết chứa tham số (Nguyên Hàm hoặc Tích Phân) | | | |
| | Tích phân | TN3 | TN4 | | | | | | | |
| | Ứng dụng hình học của tích phân ... | TN5 | | | | TLN2 Bài toán chuyển động, tăng trưởng.. | | | | TLN3 (Toán thực tế) |
| Chương V. Phương pháp tọa độ trong không gian | Phương trình mặt phẳng, toán thực tế PT mặt phẳng... | TN6 | | | | | TLN4 (Toán thực tế liên quan đường thẳng mặt phẳng) | | | |
| | Phương trình đường thẳng; toán thực tế PT đường thẳng... | TN7 | | | | | | | | |
| | Phương trình mặt cầu; ứng dụng thực tế ... | TN9 | TN8 | | TN10 | | | | TLN5 Các bài toán nâng | |

| | | | | | | | | | | |
|---|--|------------------|------------------|----------|----------|----------|----------|--|--|-------------|
| | | | | | | | | | cao, thực tế liên quan mặt cầu. | |
| Chương VI. Xác suất có điều kiện | Xác suất có điều kiện | TN11 | | | | | | | | |
| | Công thức xác suất toàn phần và công thức Bayes.... | TN12 | | | | | | | | TLN6 |
| Trắc nghiệm: Đúng - Sai | Câu 1: - Diện tích hình phẳng, thể tích vật thể tròn xoay - Bài toán chuyển động ... | Đ-S 1a Đ-S 1b | Đ-S 1c Đ-S 1d | | | | | | | |
| | Câu 2: Toán dùng công thức xác suất có điều kiện ,toàn phần... | Đ-S 2a Đ-S 2b | Đ-S 2c | Đ-S 2d | | | | | | |
| | Câu 3: Các bài toán liên quan Phương trình mặt phẳng, phương trình đường thẳng, mặt cầu... | Đ-S 3a Đ-S 3b | Đ-S 3c Đ-S 3d | | | | | | | |
| | Câu 4: Toán thực tế ứng dụng phương trình mặt phẳng, phương trình đường thẳng, mặt cầu | Đ-S 4a Đ-S 4b | Đ-S 4c | Đ-S 4d | | | | | | |
| Tổng | | 16 | 9 | 2 | 1 | 1 | 2 | | 1 | 2 |

MA TRẬN ĐẶT TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC 2025 – 2026

MÔN TOÁN 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

| Học vấn môn học | | | Năng lực toán học | | | | | | | | | |
|--|------------|--|--------------------------------|------|----|-------------------------------|------|----|-------------------------|------|----|--|
| Chủ đề | Nội dung | Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá | NL tư duy và lập luận toán học | | | NL giải quyết vấn đề toán học | | | NL mô hình hóa toán học | | | |
| | | | Cấp độ tư duy | | | Cấp độ tư duy | | | Cấp độ tư duy | | | |
| | | | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | |
| Chương IV. Nguyên Hàm – Tích Phân | Nguyên hàm | 1. Nhận biết - Nhận biết tìm nguyên hàm của một hàm số đa thức, phân thức đơn giản. 2. Thông hiểu - Áp dụng được các tính chất của nguyên hàm mở rộng vào việc tìm nguyên hàm của một số hàm số cơ bản. 3. Vận dụng - Vận dụng khái niệm nguyên hàm vào giải quyết một số bài toán từ thực tiễn | TN1 | TN2 | | | | | | | | |
| | Tích phân | 1. Nhận biết - Nhận biết định nghĩa và các tính chất của tích phân, tích phân cho kết quả bằng casio. 2. Thông hiểu - Tính tích phân trong những trường hợp đơn giản, tích phân hàm hữu tỉ đơn giản. - Sử dụng định nghĩa để giải toán tích phân. 3. Vận dụng | TN3 | TN4 | | | TLN1 | | | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|--|---------------------------------|---|-----|--|--|--|------|------|--|--|------|
| | | - Vận dụng tích phân để giải quyết một số bài toán liên quan đến thực tiễn. | | | | | | | | | |
| | Ứng dụng hình học của tích phân | <p>1. Nhận biết</p> <p>- Nắm vững công thức tính diện tích hình phẳng, thể tích vật thể và thể tích khối tròn xoay để áp dụng giải toán đơn giản.</p> <p>2. Thông hiểu</p> <p>- Hiểu rõ các ứng dụng của tích phân để vận dụng vào việc giải toán thực tế đơn giản, bài toán chuyển động.</p> <p>3. Vận dụng</p> <p>- Tính được diện tích hình phẳng, thể tích vật thể và thể tích khối tròn xoay trong các trường hợp cụ thể.</p> <p>- Toán thực tế.</p> | TN5 | | | | TLN2 | | | | TLN5 |
| Chương V. Phương pháp tọa độ trong không gian | Phương trình mặt phẳng | <p>1. Nhận biết</p> <p>– Nhận biết được vectơ pháp tuyến, cặp vectơ chỉ phương của mặt phẳng....</p> <p>- Tìm điểm thuộc mặt phẳng....</p> <p>2. Thông hiểu</p> <p>– Nhận biết được phương trình tổng quát của mặt phẳng, thiết lập được phương trình tổng quát của mặt phẳng trong hệ trục tọa độ $Oxyz$ theo ba cách cơ bản: qua một điểm và biết vectơ pháp tuyến, qua một điểm và biết cặp vectơ chỉ phương, qua ba điểm không thẳng hàng, song song mặt phẳng, vuông góc đường thẳng, mặt phẳng trung trực....</p> <p>3. Vận dụng</p> <p>- Toán thực tiễn....</p> | TN6 | | | | | TLN3 | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|--|--------------------------|---|-----|-----|--|------|--|--|--|--|------------------------------------|
| | | | | | | | | | | | |
| | Phương trình đường thẳng | <p>1. Nhận biết</p> <p>– Nhận biết được vectơ chỉ phương, phương trình chính tắc, phương trình tham số của đường thẳng, điểm thuộc đường thẳng....</p> <p>2. Thông hiểu</p> <p>– Thiết lập được phương trình của đường thẳng trong hệ trục tọa độ theo một trong hai cách cơ bản: qua một điểm và biết một vectơ chỉ phương, qua hai điểm của đường thẳng trong không gian, vuông góc mặt phẳng (đơn giản)....</p> <p>3. Vận dụng</p> <p>– Vận dụng được kiến thức về phương trình đường thẳng trong không gian (các dạng toán nâng cao về viết phương trình đường thẳng)....</p> | TN7 | | | | | | | | |
| | Phương trình mặt cầu | <p>* Nhận biết:</p> <p>-Nhận biết được phương trình mặt cầu. -Xác định được tâm, bán kính của mặt cầu khi biết phương trình của nó. -Viết phương trình của mặt cầu khi biết tâm và bán kính....</p> <p>* Thông hiểu:</p> <p>-Viết phương trình của mặt cầu :Có tâm và đi qua 1 điểm;đường kính AB; đi qua 3 điểm và có tâm thuộc 1 mặt phẳng; đi qua 4 điểm; có tâm và tiếp xúc với một mặt phẳng...</p> <p>* Vận dụng:</p> | TN9 | TN8 | | TN10 | | | | | TLN6 (Toán thực tế về mặt cầu) |

| | | | | | | | | | | | |
|--|------------------------------------|---|------|--|--|--|--|--|--|--|----------|
| | | <p>- Vận dụng được kiến thức về phương trình mặt cầu để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn.</p> <p>- Mở rộng từ 2 mức trên....</p> | | | | | | | | | |
| CHƯƠNG VI XÁC SUẤT CÓ ĐIỀU KIỆN | 1. Xác suất có điều kiện | <p>* Nhận biết:</p> <p>- Nắm vững định nghĩa và ký hiệu xác suất có điều kiện $P(A B)$....</p> <p>- Phân biệt được xác suất có điều kiện với xác suất thông thường....</p> <p>- Nhận diện tính toán được các dạng bài tập xác suất có điều kiện cơ bản....</p> <p>- Áp dụng được công thức tính xác suất có điều kiện: $P(A B) = P(A \cap B) / P(B)$.</p> <p>* Thông hiểu:</p> <p>- Giải thích được ý nghĩa của xác suất có điều kiện trong các tình huống thực tế....</p> <p>- Phân tích được mối quan hệ giữa xác suất có điều kiện và xác suất thông thường....</p> <p>- Vận dụng định nghĩa xác suất có điều kiện để giải các bài tập đơn giản....</p> <p>- Biết cách sử dụng sơ đồ cây hoặc bảng xác suất để tính xác suất có điều kiện....</p> <p>* Vận dụng :</p> <p>- Phân tích và giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến xác suất có điều kiện.</p> <p>- Lựa chọn phương pháp giải thích xác suất có điều kiện phù hợp cho từng bài toán cụ thể....</p> <p>- Sử dụng kiến thức về xác suất có điều kiện để đưa ra dự đoán và đánh giá trong các tình huống thực tế...</p> | TN11 | | | | | | | | |
| | 2. Công thức xác suất toàn phần và | <p>* Nhận biết:</p> <p>- Nắm vững các khái niệm: biến cố, xác suất, xác suất có điều kiện, biến cố độc lập....</p> <p>- Biết định nghĩa và công thức Bayes:</p> | TN12 | | | | | | | | TLN 4 |

| | | | | | | | | | | |
|------------------------------------|--|--|------------------|-----------------|-----------|-----------|-----------|--|-----------|-----------|
| | <p>công thức Bayes</p> <p>$P(A B) = P(B \cap A) / P(B)$....</p> <p>-Phân biệt được hai công thức xác suất toàn phần và Bayes.</p> <p>* Thông hiểu:</p> <p>-Giải thích được ý nghĩa và vai trò của hai công thức xác suất toàn phần và Bayes trong lý thuyết -xác suất.</p> <p>Phân tích được mối liên hệ giữa hai công thức này....</p> <p>Nhận diện được các dạng bài tập có thể áp dụng công thức xác suất toàn phần và công thức Bayes....</p> <p>-Vận dụng được hai công thức này để giải các bài tập đơn giản.</p> <p>*Vận dụng:</p> <p>-Lựa chọn công thức phù hợp để giải từng bài toán cụ thể.</p> <p>Sử dụng hai công thức này để đưa ra dự đoán và đánh giá trong các tình huống thực tế.</p> | | | | | | | | | |
| Trắc nghiệm: Đúng – Sai | Câu 1 | - Diện tích hình phẳng, thể tích vật thể tròn xoay - Bài toán chuyển động ... | Đ-S 1a Đ-S 1b | Đ-S1c Đ-S 1d | | | | | | |
| | Câu 2 | Toán dùng công thức xác suất điều kiện, công thức xác suất toàn phần ... | Đ-S 2a Đ-S 2b | Đ-S 2c | Đ-S2d | | | | | |
| | Câu 3 | Phương trình mặt phẳng, phương trình đường thẳng, mặt cầu... | Đ-S 3a Đ-S 3b | Đ-S 3c Đ-S3d | | | | | | |
| | Câu 4 | Toán thực tế phương trình mặt phẳng, phương trình đường thẳng , mặt cầu... | Đ-S 4a Đ-S 4b | Đ-S 4c | Đ-S4d | | | | | |
| Tổng | | 16 | 9 | 02 | 01 | 01 | 02 | | 01 | 02 |

TỔ TRƯỞNG

LÊ VĂN THIÊN

SỞ GD&ĐT TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ NGỮ VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2025– 2026

MÔN **NGỮ VĂN 12**

Thời gian: 120 phút

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng về nội dung kiến thức đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 12 (CT Ngữ văn 2018): Kiến thức tiếng Việt, Làm văn, Văn học.
- Kỹ năng:** Đọc hiểu văn bản thông tin; viết đoạn văn nghị luận xã hội về một vấn đề rút ra từ văn bản đọc, viết bài văn nghị luận văn học để làm bài kiểm tra trong thời gian 120 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kỹ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG:

- Kiến thức phần Đọc:** Đọc văn bản thông tin
- Kiến thức phần Viết:**
 - Nghị luận xã hội: HS tạo lập được đoạn văn nghị luận về một vấn đề rút ra từ văn bản đọc.
 - Nghị luận văn học: HS tạo lập được bài văn nghị luận phân tích nhân vật trong tác phẩm truyện.

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- Hình thức:** Tự luận; Khuyến khích GV đa dạng hoá hình thức đề (chẳng hạn, có thể kẻ bảng, vẽ một sơ đồ tư duy, cho hình ảnh hay một vài thông tin minh hoạ để làm rõ ý tưởng của đề, định hướng HS trả lời câu hỏi,...)

2. Cách thức tổ chức kiểm tra: Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 120 phút

IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:

| TT | Thành phần năng lực | Nội dung | Số câu | Cấp độ tư duy | | | | | | Tổng |
|-------|---------------------|-------------------|--------|---------------|-------|------------|-------|----------|-------|------|
| | | | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | |
| | | | | Số câu | Tỉ lệ | Số câu | Tỉ lệ | Số câu | Tỉ lệ | |
| I | Đọc | Văn bản thông tin | 5 | 2 | 10% | 2 | 20% | 1 | 10% | 40% |
| II | Viết | Đoạn văn NLXH | 1 | 5% | | 5% | | 10% | | 20% |
| | | Bài văn NLVH | 1 | 7,5% | | 10% | | 22,5% | | 40% |
| Tỉ lệ | | | | 22,5% | | 35% | | 42,5% | | 100% |
| Tổng | | | 7 | 100% | | | | | | |

V. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

| Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi/ số điểm theo mức độ nhận thức | | |
|--------------------|---|--|---|------------|----------|
| | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng |
| I. ĐỌC | VĂN BẢN THÔNG TIN (Văn bản ngoài chương trình) | <u>Nhận biết:</u> Nhận biết đề tài, thông tin chính, thông tin chi tiết, dữ liệu trong văn bản thông tin. | 2 | | |
| | | <u>Thông hiểu</u> - Phân tích, đánh giá về tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu thông tin. -Phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính. -Hiểu mục đích, quan điểm, thái độ của người viết. | | 2 | |

| Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi/ số điểm theo mức độ nhận thức | | |
|--------------------|--|---|---|-------------------------------|-------------------------------|
| | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng |
| | | - Nhận xét hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ. | | | |
| | | <u>Vận dụng</u> -Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của văn bản đối với người đọc. -Từ trải nghiệm bản thân người đọc đề xuất giải pháp hợp lý. | | | 1 |
| Tổng | 4,0 | | <i>Số điểm:</i> 1,0 | <i>Số điểm:</i> 2,0 | <i>Số điểm:</i> 1,0 |
| II. VIẾT | Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề rút ra từ văn bản đọc | <u>Nhận biết:</u> - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn nghị luận. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. <u>Thông hiểu:</u> - Phân tích được biểu hiện/ý nghĩa của vấn đề - Thể hiện được suy nghĩ, cảm nhận của người viết về vấn đề - Biết triển khai vấn đề nghị luận thành luận điểm phù hợp. - Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu để làm rõ vấn đề. - Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn; đảm bảo tính mạch lạc; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt <u>Vận dụng:</u> - Thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận riêng của người viết về vấn đề. - Nêu được khuyến nghị rút ra từ vấn đề nghị luận. - Có khả năng lí giải vấn đề sâu sắc | | | |

| Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi/ số điểm theo mức độ nhận thức | | |
|--------------------|---|--|---|------------------------------|------------------------------|
| | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng |
| | | - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, có phong cách riêng. | | | |
| | Tổng: 2,0 điểm | | <i>Số điểm</i> 0,5 | <i>Số điểm</i> 0,5 | <i>Số điểm</i> 1,0 |
| | NGHỊ LUẬN VĂN HỌC (Văn bản truyện hiện đại) | <u>Nhận biết:</u> -Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận phân tích nhân vật trong tác phẩm truyện. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. | | | |
| | | <u>Thông hiểu</u> - Trình bày các luận điểm để phân tích làm nổi bật các đặc điểm của nhân vật. - Nhận xét, đánh giá nét đặc sắc về nghệ thuật xây dựng nhân vật và tính điển hình của nhân vật . - Đưa ra lí lẽ và bằng chứng đa dạng, thuyết phục từ văn bản văn học để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. | | | |
| | | <u>Vận dụng:</u> -Khẳng định lại một cách khái quát đặc điểm nhân vật và nét độc đáo nghệ thuật xây dựng nhân vật. - Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức truyện. | | | |

| Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi/ số điểm theo mức độ nhận thức | | |
|--------------------|------------------|---|---|------------------------------|-------------------------------|
| | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng |
| | | <p><u>Vận dụng cao</u></p> <p>-Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, có phong cách riêng.</p> <p>-Biết so sánh, nâng cao để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.</p> | | | |
| Tổng | 4,0 | | <i>Số điểm</i> 0,75 | <i>Số điểm</i> 1,0 | <i>Số điểm</i> 2,25 |
| I + II | 10,0 | | <i>Số điểm</i> 2,25 | <i>Số điểm</i> 3,5 | <i>Số điểm</i> 4,25 |

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT

NGÔ THỜI NHIÊM

TỔ NGOẠI NGỮ

KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KỲ 2

Môn: Tiếng Anh 12

Năm học 2025 - 2026

| STT | ĐƠN VỊ KIẾN THỨC | CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC | | | | | | | | Tổng số câu | |
|--------------|---|-------------------------------|----|------------|----|----------|----|--------------|----|-------------|-----|
| | | NHẬN BIẾT | | THÔNG HIỂU | | VẬN DỤNG | | VẬN DỤNG CAO | | | |
| | | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| 1 | - Đọc – Hoàn thành quảng cáo, tờ rơi ... | 7 | | 5 | | | | | | 12 | |
| 2 | - Đọc – Hoàn thành văn bản | 2 | | | | 3 | | | | 5 | |
| 3 | - Viết – sắp xếp câu thành văn bản hoàn chỉnh | | | | | 3 | | | | 3 | |
| 4 | - Nói – sắp xếp lượt nói thành cuộc đàm thoại có nghĩa | 1 | | | | 1 | | | | 2 | |
| 5 | - Đọc hiểu – Trả lời câu hỏi | 6 | | 7 | | 5 | | | | 18 | |
| TỔNG | | 16 | 0 | 12 | 0 | 12 | 0 | 0 | 0 | 40 | 0 |
| TỈ LỆ | | 40 % | | 30 % | | 30 % | | 0 % | | 100 % | 0 % |

MA TRẬN ĐỀ THI CUỐI HK II KHỐI 12 NĂM HỌC 2025 – 2026

| TT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
|----|--------------------|------------------|--------------------------------------|----------------------------------|------------|----------|--------------|
| | | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |

| | | | | | | | |
|---|-----|---|--|---|--|---|--|
| 1 | Nói | Sắp xếp lời nói thành cuộc đàm thoại có nghĩa | Biết - Sắp xếp các lượt trao đổi thông tin chỉ dẫn + <i>Unit 7 – Giving instructions</i> Vận dụng - Sắp xếp các lượt trao đổi thông tin, trình bày ý kiến, quan điểm cá nhân + <i>Unit 8 – Giving opinion</i> | 1 | | 1 | |
| 2 | Đọc | Sắp xếp câu/ đoạn văn thành văn bản có nghĩa | Vận dụng - Xây dựng văn bản truyền thông có nghĩa dựa trên việc sắp xếp các câu đoạn văn theo một trình tự hợp lý có sự kết nối, liên mạch + <i>Unit 7 – sharing ideas about AI tools</i> + <i>Unit 8 – Writing a opinion essay</i> + <i>Unit 7 – A product review</i> | | | 3 | |
| | | Điền khuyết: thông báo/ quảng cáo/ tờ rơi ... (2 texts) | Biết - Xác định được các thành phần còn thiếu để hoàn thành đoạn văn bản dựa trên việc tái hiện lại kiến thức đã học về từ vựng và cú pháp; + <i>Trật tự từ: Cụm danh từ</i> + <i>Giới từ</i> + <i>Cụm từ cố định</i> + <i>Lượng từ</i> + <i>Từ loại</i> + <i>to-inf/ gerund</i> + <i>Phân từ rút gọn mệnh đề quan hệ</i> Hiểu - Xác định được từ vựng/ cụm từ phù hợp ngữ cảnh để hoàn thành đoạn văn bản dựa trên việc phân tích ngữ cảnh, so sánh nghĩa của (cụm) từ; + <i>Từ vựng liên quan đến chủ điểm hoặc được lấy từ các nội dung thuộc Unit 7,8</i> | 7 | 5 - 3 từ vựng - 1 cụm động từ - 1 cụm giới từ làm liên từ | | |
| | | Điền khuyết: | Biết | 2 | | 3 | |

| | | | | | | | |
|--|--|---|---|---|--|--|--|
| | | <p><i>văn bản liên quan đến các chủ điểm đã học</i> (1 text)</p> | <p>- Xác định được các thành phần còn thiếu dựa trên các kiến thức về kết cấu câu; + <i>Câu đơn</i> + <i>Câu phức với các loại mệnh đề danh từ, tính từ, trạng ngữ ...</i> Vận dụng - Xác định được các thành phần còn thiếu để tạo đoạn văn hoàn chỉnh có nghĩa dựa trên việc phân tích ngữ cảnh, sử dụng phối hợp các kiến thức về ngữ pháp, kết cấu câu và ngữ nghĩa + <i>Câu đơn/ câu phức với các loại mệnh đề danh từ, tính từ, trạng ngữ cùng các kiến thức liên quan (như sử dụng phân từ để rút gọn ...), phù hợp với ngữ cảnh</i></p> | | | | |
| | | <p>Đọc hiểu: <i>văn bản mang tính thời sự hoặc liên quan đến các chủ điểm đã học</i> (2 texts)</p> | <p>Biết - Xác định được thông tin trong bài đọc bằng cách sử dụng từ khóa (<i>key word</i>); từ đó tìm ra thông tin đúng theo bài đọc (<i>detail in a specific question</i>) - Xác định được danh từ, cụm từ mà các đại từ đề cập đến (<i>pronoun reference question</i>) - Xác định được đoạn văn có chứa thông tin chi tiết (<i>paragraph reference question</i>) Hiểu - Diễn giải ngữ cảnh trong bài đọc; từ đó + đoán được nghĩa của từ vựng và chọn được từ có nghĩa gần giống/ trái nghĩa với từ được gạch chân (<i>vocabulary in context</i>) + xác định được thông tin đúng theo bài đọc; (<i>detail in a specific question + True/ False question</i>) + xác định được phát biểu có cách diễn đạt khác tốt nhất cho một câu trong văn bản (<i>paraphrasing question</i>) Vận dụng</p> | <p>6 - 2 chi tiết - 2 đề cập - 2 chi tiết tìm đoạn văn</p> | <p>7 - 1 chi tiết T/F - 2 đồng nghĩa - 2 trái nghĩa - 2 diễn đạt khác</p> | <p>5 - 1 chi tiết T/F - 2 tóm tắt - 1 đặt câu vào văn bản - 1 ngụ ý</p> | |

| | | | | | | |
|----------------------------|--|---|--------------|--------------|--------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu cho sẵn vào vị trí phù hợp trong đoạn văn dựa trên việc phân tích ngữ cảnh, đảm bảo tính mạch lạc, liên kết, logic với các thông tin xung quanh (<i>sentence placement question</i>) - Làm rõ các thông tin trong bài đọc, xác định được thông tin đúng theo bài đọc; (<i>True/ False question</i>) - Làm rõ các thông tin trong bài đọc, xem xét để tìm ra được các luận điểm, ý chính của từng đoạn văn, từ đó xác định được phát biểu tóm tắt được một đoạn hoặc toàn bộ nội dung văn bản một cách tốt nhất (<i>summary for for a portion of the text/ the entire passage</i>) - Phát hiện ra mối liên hệ giữa các thông tin trong bài từ đó kết hợp suy luận của bản thân để tìm ra thông tin có khả năng hợp lí nhất, đúng với đoạn văn đọc hiểu. (<i>inference question</i>) | | | | |
| Tổng câu (40 câu) | | | 16 | 12 | 12 | |
| Tổng điểm (10 điểm) | | | 4 | 3 | 3 | |
| Tỉ lệ | | | (40%) | (30%) | (30%) | |

BẢNG MA TRẬN, MA TRẬN ĐẶC TẢ THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: **Vật lí 12** – Kiểm tra **cuối học kì II** – Thời gian: **50 phút**.

Năm học: **2025-2026**

1. MA TRẬN

| Stt | Nội dung | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá – Cấp độ tư duy | | | | | | | | | Tổng số câu và ý | Điểm số | |
|-----|---------------------|--|---------------------------------|----------|----------|--------------------|-------------|--------------|----------------------|------------|-------------|------------------|---------|------|
| | | | PHẦN I (18 câu A,B,C,D) | | | PHẦN II (4 câu ĐS) | | | PHẦN III (6 câu TLN) | | | | | |
| | | | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | TN | Tổng | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | |
| 1 | TỪ TRƯỜNG | Từ trường | 1 C1 | | | | | | | | | | 1 | 0,25 |
| | | Lực từ tác dụng lên dây dẫn mang dòng điện. Cảm ứng từ. | 1 C2 | | | | | | | | | | 1 | 0,25 |
| | | Từ thông. Hiện tượng cảm ứng điện từ. | 1 C3 | | | | | | | | | | 1 | 0,25 |
| | | Máy phát điện xoay chiều. | 1 C4 | | | | | | | | | | 1 | 0,25 |
| | | Ứng dụng hiện tượng cảm ứng điện từ. | | 1 C5 | | 2 C1a,1b | 1 C1c | 1 C1d | | 1 TLN 1 | | | 5 | 1,5 |
| | | Điện từ trường. Mô hình sóng điện từ. | 1 C6 | | | | | | | | | | 1 | 0,25 |
| 2 | VẬT LÍ HẠT NHÂN | Cấu trúc hạt nhân. | 2 C7,8 | 1 C9 | 1 C10 | 1 C2a | 2 C2b,2c | 1 C2d | | | 1 TLN 2 | 9 | 2,25 | |
| | | Phản ứng hạt nhân và năng lượng liên kết. | 2 C11,12 | 1 C13 | 1 C14 | 1 C3a | 1 C3b | 2 C3c,3d | | 1 TLN 3 | 1 TLN 4* | 10 | 2,5 | |
| | | Hiện tượng phóng xạ | 2 C15,16 | 1 C17 | 1 C18 | 1 C4a | 1 C4b | 2 C4c,4d* | | 1 TLN 5 | 1 TLN 6* | 10 | 2,5 | |
| 3 | <i>Số (câu + ý)</i> | | 11 | 4 | 3 | 5 | 5 | 6 | | 3 | 3 | 40 | | |
| 4 | <i>Điểm số</i> | | 2,75 | 1,0 | 0,75 | 1,25 | 1,25 | 1,5 | | 0,75 | 0,75 | | 10 điểm | |
| 5 | <i>Tổng điểm</i> | | 4,5 điểm | | | 4,0 điểm | | | 1,5 điểm | | | | | |

Lưu ý: Biết – Hiểu – Vận dụng: 4 – 3 – 3

+ Phần I: 18 câu Lý Thuyết

+ Phần II: 4 câu 16 ý (12 Lý thuyết + 4 Bài tập) – linh hoạt miễn sao đủ 4/16 ý là Bài tập

+ Phần III: 6 câu Bài tập

2. BẢN ĐẶC TẢ

| STT | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | |
|-----|--|---|----------------------------------|------------|----------|
| | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng |
| 1 | <i>Từ trường</i> | Nhận biết: - Nêu được khái niệm từ trường, cảm ứng từ, đường sức từ. - Nêu được cách nhận biết từ trường, tính chất cơ bản của từ trường. - Nêu được các đặc điểm của đường sức từ. | C1 | | |
| 2 | <i>Lực từ tác dụng lên dây dẫn mang dòng điện. Cảm ứng từ.</i> | Nhận biết: - Định nghĩa được cảm ứng từ và nêu được đơn vị đo cảm ứng từ. - Xác định được hướng và độ lớn của lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn mang dòng điện đặt trong từ trường. - Viết được biểu thức tính lực từ. - Nêu được đơn vị cơ bản và dẫn xuất để đo các đại lượng từ. | C2 | | |
| 3 | <i>Từ thông. Hiện tượng cảm ứng điện từ.</i> | Nhận biết - Nêu được định nghĩa và đơn vị của từ thông. - Nắm được công thức xác định từ thông - Nêu được ý nghĩa từ thông là đại lượng vô hướng, diễn tả số đường sức xuyên qua một diện tích. - Viết được biểu thức từ thông, biểu thức suất điện động cảm ứng, độ lớn suất điện động cảm ứng. - Nêu được đơn vị của: từ thông, suất điện động cảm ứng, tốc độ biến thiên từ thông, tốc độ biến thiên cảm ứng từ. - Nắm được biểu thức Faraday, Lenxo. | C3 | | |

| | | | | | |
|---|---|--|-----------|----------------------|--|
| 4 | <i>Máy phát điện xoay chiều.</i> | <p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được định nghĩa dòng điện xoay chiều. - Xác định được: tần số góc, pha ban đầu, pha dao động, giá trị cực đại, giá trị hiệu dụng của cường độ dòng điện và điện áp xoay chiều. Nắm được đơn vị các đại lượng này. - Viết được biểu thức suất điện động biến thiên điều hoà, biểu thức cường độ dòng điện xoay chiều, biểu thức điện áp xoay chiều. - Nêu được cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của máy phát điện xoay chiều. - Nêu được ứng dụng và quy tắc an toàn khi sử dụng dòng điện xoay chiều. | C4 | | |
| 5 | <i>Ứng dụng hiện tượng cảm ứng điện từ.</i> | <p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của: máy biến áp, đàn ghi ta điện, sạc điện thoại không dây, dynamo xe đạp, bếp điện từ, phanh điện từ. - Nêu được tác dụng của máy biến áp và các ứng dụng của máy biến áp. | ĐS 1a, 1b | | |
| | | <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích đúng về nguyên tắc hoạt động của: máy biến áp, đàn ghi ta điện, sạc điện thoại không dây, dynamo xe đạp, bếp điện từ, phanh điện từ. - Giải thích được một số ứng dụng đơn giản của hiện tượng cảm ứng điện từ. - Phân biệt được sự khác nhau về cấu tạo giữa đàn ghita điện và ghita thùng. - Hiểu được vai trò của nam châm vĩnh cửu trong đàn ghita điện. - Xác định được điện áp, số vòng dây trong máy biến áp. | | C5 ĐS 1c TLN 1 | |

| | | | | | |
|---|---|---|-------------------------------|------------------------------|--------------|
| | | <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kiến thức về hiện tượng cảm ứng điện từ để giải thích về các ứng dụng của hiện tượng này trong đời sống, kỹ thuật. | | | ĐS 1d |
| 6 | <i>Điện từ trường. Mô hình sóng điện từ</i> | <p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được mối liên hệ giữa điện trường biến thiên và từ trường biến thiên. - Định nghĩa được sóng điện từ. - Nêu được các môi trường truyền của sóng điện từ. - Nắm được mối liên hệ về phương và pha dao động của điện trường và từ trường trong quá trình sóng lan truyền. - Nắm được các đặc điểm của sóng điện từ: sóng ngang, mang năng lượng, các quy luật sóng điện từ cần tuân theo. | C6 | | |
| 7 | <i>Cấu trúc hạt nhân.</i> | <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cấu tạo của hạt nhân. - Nắm được kí hiệu của hạt nhân, nhận biết được kí hiệu của số nucleon, số proton trong 1 hạt nhân. - Nêu được định nghĩa đồng vị và các đặc điểm của hạt nhân đồng vị. - Nhận biết được các hạt nhân đồng vị. - Nêu được các đơn vị của khối lượng. - Nắm được thế nào là hiện tượng tán xạ hạt alpha qua thí nghiệm tán xạ hạt alpha. | C7, C8 ĐS 2a | | |
| | | <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được mô hình đơn giản của nguyên tử. - Biểu diễn được kí hiệu hạt nhân khi biết số proton và số notron. - Xác định được số nucleon, số proton, số notron, điện tích của 1 hạt nhân. - So sánh được độ chênh lệch về số proton, số notron, số nucleon giữa hai hạt nhân bất kì. - Hiểu được thí nghiệm tán xạ hạt alpha và mô hình nguyên tử của Rutherford. - Từ thí nghiệm tán xạ hạt alpha rút ra được sự tồn tại và đánh giá được kích thước hạt nhân | | C9 ĐS 2b,2c | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được số proton, số notron, số hạt nhân có trong m (gam) hoặc n (mol) chất. - Tính được bán kính, thể tích, mật độ điện tích, khối lượng riêng của hạt nhân. - Giải thích được cấu trúc hạt nhân, mô hình nguyên tử của Rutherford. - Vận dụng được các tính chất và đặc điểm của các hạt nhân đồng vị | | | <p>C10 ĐS 2d TLN 2</p> |
| 8 | <p><i>Phản ứng hạt nhân và năng lượng liên kết.</i></p> | <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được khái niệm phản ứng hạt nhân; nêu được tên gọi và đặc điểm của 2 loại phản ứng hạt nhân (tự phát và kích thích) - Nắm được công thức tính độ hụt khối, năng lượng liên kết, năng lượng liên kết riêng trong hạt nhân, mối liên hệ giữa năng lượng và khối lượng. - Nêu được các đại lượng bảo toàn và không bảo toàn trong một phản ứng hạt nhân. - Định nghĩa được lực hạt nhân, phạm vi tác dụng của lực hạt nhân. - Định nghĩa được phản ứng phân hạch và nhiệt hạch. - Nắm được hệ số nhân notron k sinh ra sau mỗi phản ứng phân hạch liên quan đến ứng dụng nào trong thực tế. - Nêu được điều kiện xảy ra phản ứng dây chuyền tự duy trì. - Nêu được điều kiện xảy ra phản ứng nhiệt hạch. | <p>C11, C12 ĐS 3a</p> | | |
| | | <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thí nghiệm buồng sương phát hiện ra phản ứng hạt nhân. - Giải thích được độ hụt khối trong một hạt nhân. - Hiểu được ý nghĩa và ứng dụng của năng lượng liên kết, năng lượng liên kết riêng trong phản ứng hạt nhân. - Mô tả được mối quan hệ giữa năng lượng liên kết riêng và độ bền vững của hạt nhân, nắm được hạt nhân có số nucleon trong khoảng $50 \leq A \leq 80$ là bền vững nhất. - So sánh, sắp xếp được mức độ bền vững giữa các hạt nhân. | | <p>C13 ĐS 3b TLN 3</p> | |

| | | | | | |
|---|----------------------------|--|-------------------------------|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được sự giống và khác nhau giữa ứng phân hạch và nhiệt hạch về năng lượng tỏa ra, độ sạch của năng lượng. - Phân biệt được phương trình của phản ứng phân hạch và nhiệt hạch. - Tính được độ hụt khối, năng lượng liên kết, năng lượng liên kết riêng của hạt nhân. | | | |
| | | Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kiến thức về năng lượng hạt nhân giải các bài toán nâng cao. | | | C14 ĐS 3c,3d TLN 4* |
| 9 | <i>Hiện tượng phóng xạ</i> | Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về hiện tượng phóng xạ. - Định nghĩa được độ phóng xạ, chu kỳ bán rã. - Nêu được ý nghĩa của hằng số phóng xạ. - Nắm được định luật phóng xạ và các công thức trong phóng xạ. - Nêu được các qui tắc an toàn trong sử dụng phóng xạ. - Nhận biết được các biển báo nơi có phóng xạ. - Nắm được các đặc tính của phóng xạ: ngẫu nhiên, tự phát, không phụ thuộc vào nhiệt độ, áp suất. - Nhận biết được phương trình của mỗi loại phóng xạ. | C15,16 ĐS 4a | | |
| | | Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được bản chất và đặc điểm của các loại phóng xạ. - So sánh được tốc độ, khả năng ion hóa, khả năng đâm xuyên của các loại phóng xạ. - Hiểu được ứng dụng của phóng xạ trong thực tiễn. - Tính toán được độ phóng xạ, chu kỳ bán rã, thời gian, hằng số phóng xạ, số hạt (khối lượng) còn lại, số hạt (khối lượng) bị phân rã, % số hạt (khối lượng) còn lại, % số hạt (khối lượng) bị phân rã, khối lượng chất tạo thành sau phản ứng. | | C17 ĐS 4b TLN 5 | |
| | | Vận dụng | | | C18 ĐS 4c,4d TLN 6* |

| | | | | | |
|----|------------------------------|---|------------|------------|------------|
| | | - Áp dụng các công thức và kiến thức về phóng xạ giải quyết các bài toán ở mức nâng cao liên quan đến ứng dụng của phóng xạ vào đời sống thực tiễn. | | | |
| 10 | <i>Số lệnh hỏi = câu + ý</i> | | 16 | 12 | 12 |
| 11 | <i>Tổng điểm</i> | | 4,0 | 3,0 | 3,0 |
| | | | | 10 | |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|--|--|--|--|-------------------------------|--|--|--|-------------------------------|--|
| | | điện phân dung dịch, điện phân nóng chảy) | | | | | | | | | |
| BÀI 16. HỢP KIM – SỰ ĂN MÒN KIM LOẠI | 2 | -Khái niệm hợp kim - Các hợp kim của sắt - Phân loại ăn mòn kim loại: Ăn mòn hóa học; ăn mòn điện hóa học | I. 3 HH1.1 I. 4 HH1.1 | | | | | | | | |
| BÀI 17. NGUYÊN TỐ NHÓM IA | 1 | Tính chất vật lí nguyên tố IA: nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, độ cứng; khối lượng riêng;... | | I. 5 HH1.2 | | | | | | | |
| | 1 | Tính chất hóa học của nguyên tố IA (tác dụng với nước) và hợp chất kim loại nhóm IA(nhiệt phân; tác dụng acid – base; dung dịch muối); | | I. 6 HH1.2 | | | | | | | |
| | 5 | Ứng dụng hợp chất nguyên tố IA (NaCl; NaHCO ₃ ; Na ₂ CO ₃ ; NaOH;...) | I. 7 HH1.1 | II. 1c II. 1d HH1.2 | | II. 1a HH2.1 | | | | II. 1b HH3.1 | |
| BÀI 18. NGUYÊN TỐ NHÓM IIA | 1 | Tính chất hóa học nguyên tố nhóm IIA (khả năng phản ứng với nước) | I. 8 HH1.1 | | | | | | | | |
| | 2 | Tính chất hóa học một số hợp chất của nguyên tố nhóm IIA (khả năng tan trong nước; độ bền nhiệt; tác dụng acid – base – muối;...) | I. 9 HH1.1 | | | | | | | III.4 HH3.1 | |
| BÀI 19. NƯỚC CỨNG VÀ LÀM MỀM NƯỚC CỨNG | 1 | Khái niệm, nguyên tắc làm mềm nước cứng; các phương pháp làm mềm nước cứng (tạm thời; vĩnh cửu; toàn phần) | I. 10 HH1.1 | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|--|-----------|--|-------------------------|--|----------|--|----------|--|--|--|----------|
| CHẤT CỦA ION KIM LOẠI CHUYỂN TIẾP TRONG DUNG DỊCH | 1 | Phản ứng thay thế phối tử trong phức chất | I. 18 HH1.1 | | | | | | | | |
| TỔNG HỢP | 9 | <ul style="list-style-type: none"> - Ăn mòn kim loại, tái chế - Nguyên tố kim loại nhóm IA - Nguyên tố kim loại nhóm IIA - Hợp chất của nguyên tố IA và IIA - Nguyên tố kim loại chuyển tiếp dãy thứ nhất - Sơ lược về phức chất | III.5* HH1.2 | II. 4a, II.4b, II. 4c, II. 4d HH1.2 | | | | | | | |
| TỔNG | 44 | | 22 | 17 | 1 | | 1 | | | | 3 |

1. Thời gian làm bài: 50 phút

2. Hình thức kiểm tra: *Trắc nghiệm*

3. Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Tổng điểm: 10 điểm, gồm 28 câu. Trong đó:

+ **Phần I:** (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 18 câu TNNLC = 4,5 điểm

+ **Phần II:** (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

+ **Phần III:** (Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn = TNTLN) gồm 6 câu = 1,5 điểm.

4. Bảng ma trận sau:

| TT | Chủ đề | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức – Dạng câu hỏi | | | | | | | | |
|--|---------------------------------|--|------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| | | | Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (TNNLC) | | | Trắc nghiệm Đúng/Sai (TNĐS) | | | Trắc nghiệm trả lời ngắn (TNTLN) | | |
| | | | Biết (NT1) | Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1) | VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2) | Biết (NT1) | Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1) | VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2) | Biết (NT1) | Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1) | VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2) |
| 1 | MÔI TRƯỜNG VÀ QUẦN THỂ SINH VẬT | Môi trường sống và các nhân tố sinh thái | 1 NT1 | 1 TH1→2 | | | 1 TH1-2 | | | | |
| | | Sinh thái học quần thể | 3 NT1 | | 1 NT6→8 | 1 NT1 | | | 1 NT1 | | 1 NT6→8 |
| | | Sinh thái học quần xã | 2 NT1 | 1 NT2→5 | 1 NT6→8 | | 1 TH1→2 | | 1 NT1 | | 2 NT6→8 |
| | | Hệ sinh thái | 2 NT1 | 1 TH1→2 | 1 VD2 | | | 1 VD2 | | | 1 VD2 |
| 2 | SINH THÁI HỌC ỨNG DỤNG | Sinh thái học phục hồi và bảo tồn | 1 NT1 | | 1 VD2 | | | | | | |
| | | Phát triển bền vững | 1 NT1 | 1 TH1-2 | | | | | | | |
| Tổng số câu | | | 10 | 4 | 4 | 1 | 2 | 1 | 2 | 0 | 4 |
| Tổng số điểm | | | (I): 2,5 đ | (II): 1,0 đ | (III): 1,0 đ | (IV): 1,0 đ | (V): 2,0 đ | (VI): 1,0 đ | (VII): 0,5 đ | (VIII): 0 đ | (IX): 1,0 đ |
| Tổng số câu/điểm từng định dạng | | | 18 câu / 4.5 điểm | | | 4 câu/ 4.0 điểm | | | 6 câu/ 1.5 điểm | | |
| Tổng từng mức độ nhận thức: | | | Nhận biết: I+IV+VII = 4,0 đ | | | Thông hiểu: II+V+VIII = 3,0 đ | | | Vận dụng: III+VI+IX = 3,0 đ | | |

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM

Năm học: 2025 - 2026

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
MÔN: SINH HỌC 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 PHÚT

| Chủ đề | Đơn vị KT | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá | Dạng thức | | |
|--|--|---|---------------------------|---------|-----------------|
| | | | NLC | Đ/S | TLN |
| MÔI TRƯỜNG VÀ QUẦN THỂ SINH VẬT | Môi trường sống và các nhân tố sinh thái | <p>Phát biểu được các khái niệm môi trường sống của sinh vật.</p> <p>Trình bày được khái niệm nhân tố sinh thái. Phân biệt được nhân tố sinh thái vô sinh, hữu sinh và lấy ví dụ minh họa.</p> <p>Phân tích được những thay đổi của sinh vật có thể tác động làm thay đổi môi trường sống của chúng.</p> <p>Trình bày được khái niệm nhịp sinh học; giải thích được nhịp sinh học là sự thích nghi của sinh vật với những thay đổi có tính chu kì của môi trường.</p> <p>Tìm hiểu được nhịp sinh học của chính mình.</p> | 1 NT1 1TH1→2 | 1TH1→2 | |
| | Sinh thái học quần thể | <p>Phát biểu được các khái niệm quần thể sinh vật; giải thích được quần thể là một cấp độ tổ chức sống; phân tích được các mối quan hệ trong quần thể sinh vật.</p> <p>Trình bày được các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật.</p> <p>Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng quần thể và phân biệt được các kiểu tăng trưởng trong quần thể.</p> <p>Nêu được các đặc điểm tăng trưởng của quần thể người và phân tích được hậu quả của việc gia tăng dân số quá nhanh.</p> <p>Trình bày được các kiểu biến động số lượng cá thể trong quần thể.</p> <p>Giải thích được cơ chế điều hòa mật độ của quần thể.</p> <p>Thực hành tính được kích thước quần thể sinh vật.</p> | 3 NT1 1TH6→8 | 1 NT1 | 1 NT1 1TH6→8 |
| | Sinh thái học quần xã | <p>Phát biểu được các khái niệm quần xã sinh vật; giải thích được quần xã là một cấp độ tổ chức sống; phân tích được các đặc trưng của quần xã.</p> <p>Trình bày được khái niệm và phân biệt được các mối quan hệ giữa các loài trong quần xã.</p> <p>Trình bày được khái niệm ổ sinh thái, vai trò của cạnh tranh trong việc hình thành ổ sinh thái.</p> <p>Phân tích được tác động của việc du nhập các loài ngoại lai hoặc giảm loài trong cấu trúc quần xã đến trạng thái cân bằng của hệ sinh thái.</p> <p>Trình bày được một số biện pháp bảo vệ quần xã.</p> <p>Thực hành: xác định được một số đặc trưng cơ bản của quần xã.</p> | 2 NT1 1NT2→5 1NT6→8 | 1 TH1→2 | 1 NT1 2TH6→8 |

| | | | | | |
|-------------------------------|--|--|---------------------------|----------|----------|
| | Hệ sinh thái | <p>Phát biểu được khái niệm hệ sinh thái (HST), cấu trúc của HST, các kiểu HST.</p> <p>Phân tích được quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong hệ sinh thái: chuỗi thức ăn, lưới thức ăn, bậc dinh dưỡng; dòng năng lượng của HST; khái niệm và tính hiệu suất và giải thích ý nghĩa của hiệu suất sinh thái, tháp sinh thái; phân biệt các dạng tháp sinh thái.</p> <p>Phân tích được sự biến động của HST: khái niệm diễn thế sinh thái, các dạng diễn thế sinh thái, giải thích được một số hiện tượng ảnh hưởng đến HST.</p> <p>Thiết kế được hệ sinh thái thủy sinh hoặc hệ sinh thái trên cạn.</p> | 2 NT1 1 TH1→2 1 VD2 | 1 VD2 | 1VD2 |
| | Chu trình sinh – địa – hóa và sinh quyển | <p>Trình bày được khái niệm và ý nghĩa chu trình sinh – địa – hóa các chất. Vẽ được sơ đồ khái quát chu trình trao đổi chất trong tự nhiên.</p> <p>Phát biểu được khái niệm Sinh quyển; giải thích được Sinh quyển là một cấp độ tổ chức sống lớn nhất hành tinh.</p> <p>Phát biểu được khái niệm khu sinh học. Trình bày được đặc điểm của các khu sinh học trên cạn chủ yếu và các khu sinh học nước ngọt, khu sinh học nước mặn trên Trái Đất.</p> <p>Trình bày được một số biện pháp bảo vệ Sinh quyển và các biện pháp bảo vệ tài nguyên sinh học của các khu sinh học.</p> | | | |
| SINH THÁI HỌC ỨNG DỤNG | Sinh thái học phục hồi và bảo tồn | <p>Trình bày được khái niệm và các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học.</p> <p>Thực hiện được bài tập về thực trạng bảo tồn hệ sinh thái ở địa phương và đề xuất biện pháp bảo tồn.</p> | 1 NT1 1 VD2 | | |
| | Phát triển bền vững | <p>Trình bày được khái niệm phát triển bền vững. Phân tích được khái quát về tác động giữa kinh tế, xã hội và môi trường tự nhiên.</p> <p>Phân tích được vai trò và các biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên.</p> <p>Phân tích được những biện pháp chủ yếu hạn chế gây ô nhiễm môi trường.</p> <p>Nêu được khái niệm và phát triển nông nghiệp bền vững.</p> <p>Trình bày được các vấn đề dân số hiện nay và vai trò của chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình trong phát triển bền vững.</p> <p>Phân tích được vai trò của giáo dục bảo vệ môi trường đối với phát triển bền vững đất nước.</p> <p>Đề xuất các hoạt động bản thân có thể làm được nhằm góp phần phát triển bền vững.</p> | 1 NT1 1 TH1→2 | | |
| | | Tổng câu | 18 | 4 | 6 |

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: **CÔNG NGHỆ 12** – Kỳ kiểm tra cuối học kì II

Năm học: 2025-2026

1. MA TRẬN

| TT | Chương/ Chủ đề | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | | | | | | | | | Tổng | | | Tỉ lệ % điểm |
|-----|---|---|-------------------|------|-----|------------------|------|---------|---------|------|------|------|------|------|--------------------|
| | | | TN nhiều lựa chọn | | | TN dạng Đúng/sai | | | Tự luận | | | Biết | Hiểu | VD | |
| | | | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| 1 | Chủ đề 1 Linh kiện điện tử | 1.1. Diode, transistor và mạch tích hợp IC | C1 | C2 | | | | | | | | 1 | 2 | 1 | 10,0 |
| | | 1.2. Thực hành: Mạch phát hiện dòng điện xoay chiều trong dây dẫn | C3 | C4 | | | | | | | | | 1 | 1 | |
| 2 | Chủ đề 2 Điện tử tương tự | 2.1. Giới thiệu về điện tử tương tự | C5 | C6 | C7 | ĐS1a | ĐS1b | ĐS1c-1d | | | | 2 | 2 | 3 | 17,5 |
| | | 2.2. Khuếch đại thuật toán | C8 | C9 | | ĐS2a | ĐS2b | ĐS2c-d | | | | 2 | 2 | 2 | 15,0 |
| | | 2.3. Thực hành: Mạch khuếch đại đảo | C10 | C11 | | | | | | | | | 1 | 1 | |
| 3 | Chủ đề 3 Điện tử số | 3.1. Tín hiệu số và các cổng logic cơ bản | C12 | C13 | C14 | ĐS3a | ĐS3b | ĐS3c-d | | | | 2 | 2 | 3 | 17,5 |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---------------------|---|---|------------|------------|------------|------------|------------|------------|--|--|--|-----------|-----------|-----------|------------|
| | | 3.2. Một số mạch xử lí tín hiệu trong điện tử số | C15-16 | C-17 | C18 | ĐS4a | ĐS4b | ĐS4c-d | | | | 3 | 1 | 2 | 15,0 |
| | | 3.3 Thực hành: Lắp ráp, kiểm tra mạch báo cháy sử dụng các cổng logic | C19 | | C20 | | | | | | | 1 | | 1 | 5,0 |
| 4 | Chủ đề 4 Vi điều khiển | 4.1. Khái quát về vi điều khiển | C21-22 | | | | | | | | | 2 | | | 5,0 |
| | | 4.2. Bo mạch lập trình vi điều khiển | C23 | C24 | | | | | | | | | 1 | 1 | |
| Tổng số câu | | | 12 | 8 | 4 | 4 | 4 | 8 | | | | | | | |
| Tổng số điểm | | | 3,0 | 2,0 | 1,0 | 1,0 | 1,0 | 2,0 | | | | | | | |
| Tỉ lệ % | | | 60% | | | 40% | | | | | | 40 | 30 | 30 | 100 |

+ Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần II là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại Phần II là một lệnh hỏi.

+ **Trắc nghiệm nhiều lựa chọn:** 24 câu TN Lý thuyết + Bài tập (6 điểm)

+ **Trắc nghiệm dạng Đúng/sai:** 4 câu trắc nghiệm đúng sai, mỗi câu 4 ý a, b, c, và d (4,0 điểm)

2. BẢNG ĐẶC TẢ

| TT | Chương/chủ đề | Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ) | Số lượng chỉ báo | | |
|----------|---------------------------------------|--|--|------------------|----------|---------|
| | | | | Trắc nghiệm | | Tự luận |
| | | | | NLC | Đ/S | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Chủ đề 1 Linh kiện điện tử | 1.1. Diode, transistor và mạch tích hợp IC | Biết: - Vẽ được kí hiệu của diode, transistor và IC. - Nhận biết, đọc số liệu kĩ thuật của diode, transistor và IC. | 1 | | |
| | | | Hiểu: - Trình bày được công dụng và thông số kĩ thuật của diode, transistor và IC. | 1 | | |
| | | 1.2. Thực hành: Mạch phát hiện dòng điện xoay chiều trong dây dẫn | Biết: - Nhận biết các vật tư, các linh kiện điện tử và số lượng cần dùng trong mạch. - Biết được kí hiệu của các linh kiện điện tử trong sơ đồ nguyên lý mạch phát hiện dòng điện xoay chiều. | 1 | | |
| | | | Hiểu: - Trình bày được sơ đồ nguyên lý mạch phát hiện dòng điện xoay chiều. - Vẽ và phân tích được sơ đồ nguyên lí của mạch phát hiện dòng điện xoay chiều trong dây dẫn. - Trình bày được qui trình lắp ráp mạch. | 1 | | |
| | | | Vận dụng: - Lắp ráp, kiểm tra được một mạch điện tử đơn giản dùng các linh kiện điện tử cơ bản. | | | |
| 2 | Chủ đề 2 Điện tử tương tự | 2.1. Giới thiệu về điện tử tương tự | Biết: - Nêu được định nghĩa tín hiệu và tín hiệu tương tự. - Phân loại được tín hiệu tương tự. | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|--|-----------------------------------|--|--|---|--|
| | | <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội dung cơ bản về tín hiệu, một số mạch xử lý tín hiệu của điện tử tương tự. - Hiểu và nhận biết được vai trò của các mạch xử lý tín hiệu tương tự trong các thiết bị điện tử. - Trình bày, thảo luận về các khái niệm và nguyên lý hoạt động của các mạch khuếch đại, điều chế và giải điều chế biên độ. | 1 | 1 | |
| | | <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ sơ đồ mạch điện và giải thích nguyên lý hoạt động của các mạch khuếch đại, điều chế và giải điều chế biên độ. - Tìm hiểu và cho biết tên các kênh phát sóng AM, FM hiện nay của Đài tiếng nói Việt Nam. | 1 | 2 | |
| | 2.2. Khuếch đại thuật toán | <p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm khuếch đại thuật toán. - Biết được kí hiệu đầy đủ và kí hiệu rút gọn của khuếch đại thuật toán. - Nêu được nguyên lý làm việc của khuếch đại thuật toán. - Nêu được các ứng dụng cơ bản của khuếch đại thuật toán. - Nhận biết được tín hiệu lối vào và tín hiệu lối ra của khuếch đại đảo và khuếch đại không đảo. | 1 | 1 | |
| | | <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được kí hiệu, nguyên lí làm việc và ứng dụng cơ bản của khuếch đại thuật toán. | 1 | 1 | |
| | | <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được U_{ra} của mạch khuếch đại đảo, khuếch đại không đảo, cộng đảo, cộng không đảo, trừ và so sánh. - Tính được hệ số khuếch đại của khuếch đại đảo, khuếch đại không đảo. | | 2 | |
| | | 2.3. Thực hành: Mạch khuếch đại đảo | <p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được vật tư và linh kiện cần thiết để thực hành - Biết được tên các linh kiện điện tử có trong sơ đồ mạch | 1 | |

| | | | | | | |
|----------|--|---|---|----------|----------|--|
| | | | sử dụng công logic. | | | |
| | | 3.2. Một số mạch xử lý tín hiệu trong điện tử số | Biết: - Nêu được khái niệm và các thành phần của mạch logic tổ hợp, chức năng của mạch so sánh hai số. - Nêu được khái niệm của mạch đếm sử dụng Flip-Flop. | 2 | 1 | |
| | Hiểu: - Hiểu được nguyên lý hoạt động của Flip-Flop D. | | | 2 | | |
| | Vận dụng: - Vận dụng được kiến thức đã học để xây dựng một mạch đếm cơ bản. - Ứng dụng được kiến thức đã học vào thực tế. | | | | 3 | |
| | | 3.3. Thực hành: Lắp ráp, kiểm tra mạch báo cháy sử dụng các cổng logic | Biết: - Liệt kê được vật tư và linh kiện cần thiết để thực hành. - Vẽ và nêu được nguyên lý hoạt động của mạch điện báo cháy. | 1 | | |
| | Hiểu: - Xác định và tìm hiểu về nguyên lý hoạt động của mạch điện báo cháy thông qua sơ đồ khối, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề. - Trình bày được lắp ráp, khảo sát mạch điện báo cháy sử dụng các cổng logic cơ bản. | | | | | |
| | Vận dụng: - Lắp ráp được mạch điện báo cháy. - Khảo sát được hoạt động của mạch điện báo cháy. | | 1 | | | |
| 4 | Chủ đề 4 Vi điều khiển | 4.1. Khái quát về vi điều khiển | Biết: - Nêu được khái niệm, phân loại và ứng dụng của vi điều khiển. - Kể tên được các khối chức năng cơ bản của vi điều khiển và vẽ được sơ đồ chức năng của vi điều khiển. | 2 | | |
| | Hiểu: - Trình bày được khái niệm vi điều khiển. - So sánh được vi điều khiển với IC thông thường và máy tính truyền thống. - Trình bày được ứng dụng của vi điều khiển. - Mô tả được vai trò của các khối có trong sơ đồ chức năng của vi điều khiển. | | | | | |

| | | | | | |
|--------------------|--|--|-----------|-----------|--|
| | | <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ và giải thích được sơ đồ chức năng của vi điều khiển. - Vận dụng những kiến thức đã học để tìm hiểu thêm nhiều kiến thức khác về vi điều khiển. | | | |
| | <p>4.2. Bo mạch lập trình vi điều khiển</p> | <p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các bước lập trình cho vi điều khiển. - Mô tả được giao diện của một Arduino IDE. - Nêu được cấu trúc, ứng dụng của một bo mạch lập trình vi điều khiển. | 1 | | |
| | | <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nhiệm vụ của bo mạch lập trình. - Vẽ được sơ đồ khối của một bo mạch lập trình vi điều khiển. - Trình bày được các thành phần chính có trong bo mạch lập trình vi điều khiển. - Trình bày được các ứng dụng bo mạch lập trình vi điều khiển. | 1 | | |
| | | <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kiến thức đã học để sử dụng vi điều khiển Arduino Uno bằng ứng dụng Arduino IDE. | | | |
| Tổng số câu | | | 24 | 16 | |

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY
Môn: CÔNG NGHỆ 12 LÂM NGHIỆP – KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ 2
Năm học: 2025-2026

1. MA TRẬN

| TT | Chương/ Chủ đề | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | | | | | | | | | Tổng | | | Tỉ lệ % điểm | | |
|-----|--|--|-------------------|--------|-----|------------------|-------|--------------|---------|------|------|------|------|------|--------------------|------|------|
| | | | TN nhiều lựa chọn | | | TN dạng Đúng/sai | | | Tự luận | | | | | | | | |
| | | | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | | |
| 1 | Chương VI: Môi trường nuôi thủy sản | Bài 14. Sinh sản của cá và tôm | C1-2-3 | C4 | C5 | | | | | | | | 3 | 1 | 1 | 12,5 | |
| | | Bài 15: Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống thủy sản | C6-7-8 | C9 | C10 | ĐSC1a | ĐSC1b | ĐSC1c- 1d | | | | | | 3 | 1 | 1 | 12,5 |
| 2 | Chương VII: Công nghệ thức ăn thủy sản | Bài 16: Thức ăn thủy sản | C11 | C12 | C13 | ĐSC2a | ĐSC2b | ĐSC2c- 2d | | | | | 2 | 2 | 3 | 17,5 | |
| | | Bài 17: Phương pháp bảo quản và chế biến thức ăn thủy sản | C14 | C15 | C16 | | | | | | | | | 2 | 2 | 3 | 17,5 |
| | | Bài 18: Ứng dụng công | C17-18 | C19-20 | | ĐSC2a | ĐSC2b | ĐSC2c- | | | | | | 3 | 3 | 2 | 20,0 |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---------------------|---|--|---------------|---------------|------------|--------------|--------------|-----------------|--|--|--|------------|------------|------------|-------------|
| | | nghệ sinh học trong bảo quản, chế biến thức ăn thủy sản | | | | | | 2d | | | | | | | |
| 3 | Chương VIII: Công nghệ nuôi thủy sản | Bài 19: Công nghệ nuôi một số loài thủy sản phổ biến ở Việt Nam | C21-22 | C23-24 | | ĐSC2a | ĐSC2b | ĐSC2c-2d | | | | 3 | 3 | 2 | 20.0 |
| Tổng số câu | | | 11 | 4 | 1 | 4 | 4 | 8 | | | | 16 | 12 | 12 | 40 |
| Tổng số điểm | | | 3,0 | 2,0 | 1,0 | 1,0 | 1,0 | 2,0 | | | | 4,0 | 3,0 | 3,0 | 10,0 |
| Tỉ lệ % | | | 60 | | | 40 | | | | | | 40 | 30 | 30 | 100 |

+ Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần II là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại Phần II là một lệnh hỏi.

+ **Trắc nghiệm nhiều lựa chọn:** 20 câu TN Lý thuyết + 4 Bài tập (6 điểm)

+ **Trắc nghiệm dạng Đúng/sai:** 4 câu trắc nghiệm đúng sai, mỗi câu 4 ý a, b, c, và d (4,0 điểm)

2. BẢNG ĐẶC TẢ

| TT | Chương/chủ đề | Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ) | Số lượng chỉ báo | | |
|-----|---|--|---|------------------|---------------|---------|
| | | | | Trắc nghiệm | | Tự luận |
| | | | | NLC | Đ/S | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Chương VI: Môi trường nuôi thủy sản | Bài 14. Sinh sản của cá và tôm | Biết: - Nêu được các hình thức sinh sản của cá và tôm. - Trình bày được đặc điểm cơ quan sinh dục đực và cái. - Kể tên các giai đoạn phát triển phôi và ấu trùng | C1-2-3 | | |
| | | | Hiểu: - Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản (nhiệt độ, độ mặn, dinh dưỡng...) - Phân biệt được sinh sản tự nhiên và sinh sản nhân tạo. - Phân tích được vai trò của việc kiểm soát điều kiện môi trường trong ương giống. | C4 | | |
| | | | Vận dụng: - Vận dụng kiến thức để đề xuất biện pháp nâng cao tỉ lệ thụ tinh và nở trứng. - Đề xuất giải pháp chăm sóc cá, tôm bố mẹ trong điều kiện thực tế địa phương. | C5 | | |
| | | Bài 15: Ứng dụng công nghệ sinh học | Biết: - Nêu được khái niệm công nghệ sinh học trong thủy sản. | C6-7-8 | DSC-1a | |

| | | | | | | |
|----------|---|-----------------------------------|--|------------|---------------|--|
| | | trong chọn và nhân giống thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số phương pháp chọn giống (chọn lọc, lai tạo...). - Kể tên các ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống | | | |
| | | | <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vì sao cần chọn giống tốt trong nuôi thủy sản. - Phân tích được ưu điểm của ứng dụng công nghệ sinh học so với phương pháp truyền thống. | C9 | DSC-1a | |
| | | | <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức để lựa chọn phương pháp chọn giống phù hợp. - Đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng con giống tại địa phương. | C10 | DSC-1a | |
| 2 | Chương VII: Công nghệ thức ăn thủy sản | Bài 16: Thức ăn thủy sản | <p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò của thức ăn đối với sinh trưởng và phát triển. - Trình bày được các loại thức ăn thủy sản. - Kể tên các thành phần dinh dưỡng chính trong thức ăn | C11 | DSC-2a | |
| | | | <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được ảnh hưởng của khẩu phần ăn đến năng suất nuôi. - Phân tích được sự khác nhau giữa thức ăn tự nhiên và thức ăn công nghệ. | C12 | DSC-2b | |
| | | | <p>Vận dụng:</p> | C13 | DSC-2c | |

| | | | | | |
|--|--|--|---------------|------------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức để lựa chọn loại thức ăn phù hợp với từng đối tượng nuôi. - Đề xuất cách cho ăn đúng kỹ thuật nhằm giảm chi phí và hạn chế ô nhiễm môi trường. | | DSC-2d | |
| | Bài 17: Phương pháp bảo quản và chế biến thức ăn | Biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các phương pháp bảo quản thức ăn thủy sản. - Trình bày được các phương pháp chế biến thức ăn. | C14 | | |
| | | Hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vì sao cần bảo quản thức ăn đúng kỹ thuật. - Phân tích được ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp chế biến. | C15 | | |
| | | Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức để lựa chọn phương pháp bảo quản phù hợp điều kiện thực tế. - Đề xuất giải pháp hạn chế hao hụt và biến chất thức ăn. | C16 | | |
| | Bài 18: Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản, chế | Biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò của vi sinh vật trong chế biến thức ăn. - Kể tên một số chế phẩm sinh học sử dụng trong bảo quản | C17-18 | DSC-3a | |
| | | Hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được cơ chế lên men trong chế biến thức ăn. - Phân tích được lợi ích kinh tế và môi trường của việc sử dụng chế phẩm sinh học | C19-20 | DSC-3b | |
| | | Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức để đề xuất ứng dụng chế phẩm sinh học | | DSC-3c-3d | |

| | | | | | | |
|--------------------|---|---|--|---------------|------------------|--|
| | | | <p>phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiệu quả của việc áp dụng công nghệ sinh học trong thực tế nuôi thủy sản | | | |
| 3 | Chương VIII: Công nghệ nuôi thủy sản | Chương Công nghệ thủy sản VIII: nuôi | <p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quy trình nuôi cơ bản của một số loài phổ biến (cá, tôm...). - Trình bày được điều kiện môi trường nuôi thích hợp. | C21-22 | DSC-4a | |
| | | | <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất nuôi. - Phân tích được đặc điểm các hình thức nuôi (thâm canh, bán thâm canh...) | C23-24 | DSC-4b | |
| | | | <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức để lựa chọn mô hình nuôi phù hợp điều kiện địa phương. <p>dụng công logic.</p> | | DSC-4c-4d | |
| Tổng số câu | | | | 24 | 16 | |

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ – CUỐI HỌC KỲ 2
MÔN TIN HỌC 12. THỜI GIAN: 45 PHÚT

I. KHUNG MA TRẬN

Thời gian: 45 phút | Hình thức: 70% TNKQ (28 câu) + 30% TNKQ Đúng/Sai (3 câu x 4 ý)

| TT | Chương/ chủ đề | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | | | | | | | | | Tổng | | | Tỉ lệ % điểm |
|----|---|---|-----------------|--------------|--------------|--------------|-----------|-----------|---------|------|----|------|------|----|--------------------|
| | | | TNKQ-NLC | | | TNKQ-ĐS | | | Tự luận | | | Biết | Hiểu | VD | |
| | | | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | | | | |
| 1 | Chủ đề 4. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Bài 12. Tạo biểu mẫu, định dạng CSS | 2 (1,2) | 3 (3,4,5) | 3 (6,7,8) | 2 (1a,1b) | 1 (1c) | 1 (1d) | | | | 4 | 4 | 4 | 30% 3,0 |
| | | Bài 13. Khái niệm vai trò của CSS. | 2 (9,10) | 2 (11,12) | 2 (13,14) | | | | | | | 2 | 2 | 2 | 15% 1,5 |
| | | Bài 14. Định dạng văn bản bằng CSS. | 3 (15,16,17) | 2 (18,19) | 2 (20,21) | 2 (2a,2b) | 1 (2c) | 1 (2d) | | | | 5 | 3 | 3 | 27.5% 2,75 |

| TT | Chương/ chủ đề | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | | | | | | | | | Tổng | | | Tỉ lệ % điểm |
|-------------------------|-------------------|---------------------------------|-----------------|--------------|--------------|--------------|-------------|-------------|---------|------|----|------------|------------|------------|--------------------|
| | | | TNKQ-NLC | | | TNKQ-ĐS | | | Tự luận | | | Biết | Hiểu | VD | |
| | | | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | | | | |
| | | Bài 16. Định dạng khung. | 3 (22,23,24) | 2 (25,26) | 2 (27,28) | 2 (3a,3b) | 1 (3c) | 1 (3d) | | | | 5 | 3 | 3 | 27,5% 2,75 |
| Tổng số câu và ý | | | 10 câu | 9 câu | 9 câu | 6 ý | 3 ý | 3 ý | | | | 16 | 12 | 12 | |
| Tổng số điểm | | | 2,5 | 2,25 | 2,25 | 1,5 | 0,75 | 0,75 | | | | 4,0 | 3,0 | 3,0 | |
| Tỉ lệ % | | | 70% | | | 30% | | | | | | 40% | 30% | 30% | |

II. BẢNG ĐẶC TẢ

| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung/ Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Mức độ đánh giá | | | Thực hành/Tự luận |
|----|---|--|--|--|--|-----------------|-------------------------|
| | | | | Trắc nghiệm khách quan | | | |
| | | | | MC (4-1) | YN (4-4) | Short Answer | |
| 1 | Chủ đề 4. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Bài 12. Tạo biểu mẫu, định dạng CSS | <p>Nhận biết: Biết các thành phần cơ bản của biểu mẫu: <form>, <input>, <label>, <select>, <option>, <button>.</p> <p>Thông hiểu: Giải thích được ý nghĩa các thuộc tính type (text, password, checkbox, radio, submit), name, value, placeholder.</p> <p>Vận dụng: Tạo được một trang web có biểu mẫu đăng ký hoặc liên hệ cơ bản.</p> | 2 MC (B) (NL _a ,NL _c) | 1 YN (B,B,H,V) (NL _a ,NL _c) | | |
| | | | | 3 MC (H) (NL _a ,NL _b ,NL _c) | | | |
| | | | | 3 MC (V) (NL _a ,NL _b ,NL _c) | | | |

| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung/ Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Mức độ đánh giá | | | |
|----|-------------------|--|---|---|--|-----------------|-------------------------|
| | | | | Trắc nghiệm khách quan | | | Thực hành/Tự luận |
| | | | | MC (4-1) | YN (4-4) | Short Answer | |
| | | Bài 13. Khái niệm vai trò của CSS. | <p>Nhận biết: Biết khái niệm CSS, cấu trúc một quy tắc CSS (bộ chọn, thuộc tính, giá trị).</p> <p>Thông hiểu: Phân biệt được 3 cách chèn CSS vào trang web: Inline (trong dòng), Internal (trong trang), External (ngoài trang).</p> <p>Vận dụng: Sử dụng được bộ chọn thẻ (tag selector) để thay đổi màu sắc, font chữ đơn giản.</p> | <p>2 MC (B) (NLa,NLc)</p> <p>2 MC (H) (NLa,NLc)</p> <p>2 MC (V) (NLa,NLc)</p> | | | |
| | | Bài 14. Định dạng văn bản bằng CSS. | <p>Nhận biết: Biết các thuộc tính định dạng chữ: color, font-family, font-size, font-weight, text-align, text-decoration.</p> <p>Thông hiểu: Hiểu cách sử dụng bộ chọn lớp (class selector) và bộ chọn định danh (id selector).</p> <p>Vận dụng: Định dạng được một đoạn văn bản chuyên nghiệp, phân biệt được tiêu đề và nội dung bằng CSS.</p> | <p>3 MC (B) (NLa,NLb,NLc)</p> <p>2 MC (H) (NLa, NLb)</p> <p>2 MC (V) (NLa, NLc)</p> | <p>1 YN (B,B,H,V) (NLa, NLb,NLc)</p> | | |
| | | Bài 16. Định dạng khung. | <p>Nhận biết: Biết khái niệm mô hình hộp (Box Model). Nhận biết các thành phần: content, padding, border, margin.</p> <p>Thông hiểu: Hiểu được cách thiết lập kích thước (width, height) và các kiểu đường viền cho khung.</p> | <p>3 MC (B) (NLa,NLb,NLc)</p> <p>2 MC (H) (NLa, NLb)</p> | <p>1 YN (B,B,H,V) (NLa, NLb,NLc)</p> | | |

| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung/ Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Mức độ đánh giá | | | |
|----|-------------------|----------------------------------|---|--|---|-----------------|-------------------------|
| | | | | Trắc nghiệm khách quan | | | Thực hành/Tự luận |
| | | | | MC (4-1) | YN (4-4) | Short Answer | |
| | | | Vận dụng: Thiết lập được khoảng cách CUỐI các khối nội dung trên trang web bằng margin và padding. | 2 MC (V) (NLa, NLb) | | | |
| | | Tổng | | 10 lệnh B 9 lệnh H 9 lệnh V | 6 lệnh B 3 lệnh H 3 lệnh V | | |
| | | Tỉ lệ % | | 16 B = 40%, 12 H = 30%, 12 VD = 30% | | | |
| | | Tỉ lệ chung | | B + H = 70% | | VD = 30% | |

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một trong các đơn vị kiến thức.
- Với các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận (lý thuyết/Thực hành).

TRƯỜNG TH – THCS – THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KIỂM TRA HK 2
NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN: LỊCH SỬ - LỚP 12

I. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA: trắc nghiệm

II. BẢNG ĐẶC TẢ, MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

| TT | Chương/ chủ đề | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | | | | | | | | | Tổng | | | Tỉ lệ % điểm |
|----|--|---|-----------------|------|----|-----------------|------|----|---------|------|----|------|--------|--------|--------------------|
| | | | TNKQ nhiều LC | | | TNKQ đúng - sai | | | Tự luận | | | | | | |
| | | | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | |
| 1 | Chủ đề 1 LỊCH SỬ ĐỔI NGOẠI CỬA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI | Nội dung 1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay | 4 | | | 1 | | 1 | | | | 4 | 1(Đ-S) | 1(Đ-S) | 30% |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---------------------|--|--|-----------|---|---|-----------|---|---|----------|--|----|------------------|------------------|-------------------|------------|
| 2 | Chủ đề 2 HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM | Nội dung 1 . Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh | 4 | | 4 | | 1 | | | | 4 | 4 | 1 1(Đ-S) | 30% | |
| | | Nội dung 2. Hồ Chí Minh – Anh hùng Giải phóng dân tộc | 4 | 1 | 1 | 1 | | | | | 4 | 1 | 1 | 15% | |
| | | Nội dung 3. Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam | 4 | | 2 | | | 1 | | | | 4 | | 2 1(Đ-S) | 25% |
| Tổng số câu | | | | | | | | | | | 16 | 5 1 2(Đ-S) | 3 2 2(Đ-S) | 24 4 1(Đ-S) | |
| Tổng số điểm | | | | | | | | | | | 4 | 3.5 | 2.5 | 10 | |
| Tỉ lệ % | | | 60 | | | 40 | | | 0 | | | 40 | 30 | 30 | 100 |

2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

| TT | Chương/ chủ đề | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra theo các mức độ) | Số lượng câu hỏi ở các mức độ | | | |
|-----|--|---|--|-------------------------------|--------------|-----------------|---------|
| | | | | Trắc nghiệm | | | Tự luận |
| | | | | Nhiều lựa chọn | Đúng- Sai | Trả lời ngắn | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chủ đề 1 LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI | Nội dung 1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay | - Nhận biết: + Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985. + Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay. (NLTH) | 4 | 1 | | |
| | | | - Thông hiểu: - Vận dụng: + Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.(NLVD) | | 1 | | |
| 2 | Chủ đề 2 HỒ CHÍ MINH | Nội dung 1 . Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của | - Nhận biết + Biết cách sưu tầm tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. | 4 TN | | | |

| | | | | | | |
|---------------------------------------|---|---|------|---|--|--|
| TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM | Hồ Chí Minh | <ul style="list-style-type: none"> + Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh. + Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. (NLTH) | | | | |
| | | - Thông hiểu: | | | | |
| | | - Vận dụng + Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. (NLVD) | 4 TN | | | |
| | Nội dung 2. Hồ Chí Minh – Anh hùng Giải phóng dân tộc | - Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> + Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh. + Nêu được ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước. – Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. + Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. + Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941), thành lập Mặt trận Việt Minh, thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. + Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19 tháng 5 năm 1941) và vai | 4 TN | 1 | | |

| | | | | | | |
|--|--|---|---|---|--|--|
| | | <p>trò của Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám (1945 – 1946) khi thực hiện chủ trương “hoà để tiên” thông qua việc kí Hiệp định Sơ bộ (ngày 06 tháng 3 năm 1946) và bản Tạm ước (ngày 14 tháng 9 năm 1946).</p> <p>+ Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954).</p> <p>+ Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1969).</p> <p>(NLTH)</p> | | | | |
| | | <p>- Thông hiểu</p> <p>+ Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ. (NLTD)</p> | | | | |
| | | <p>- Vận dụng</p> <p>+ Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. (NLVD)</p> | | | | |
| | <p>Nội dung 3. Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam</p> | <p>- Nhận biết</p> <p>+ Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những công hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi đối với dân tộc Việt Nam.</p> <p>(NLTH)</p> | 4 | 1 | | |

| | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|--|--|
| | | | - Thông hiểu | | | | |
| | | | - Vận dụng + Có ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.(NLVD) | | | | |

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 12

| TT | Chương/ chủ đề | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | | | | | | | | | | | | Tổng | | | Tỉ lệ % điểm |
|---------------------|--|--|------------------------|------|----|-----------------|------|----|-------------------|------|----|---------|------|----|------|------|-----|--------------------|
| | | | TNKQ nhiều lựa chọn | | | TNKQ đúng - sai | | | TNKQ trả lời ngắn | | | Tự luận | | | | | | |
| | | | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | Biết | Hiểu | VD | |
| 1 | Chủ đề: Thương mại và du lịch | | 4 | | | | | 1 | | 2 | | | | | | | 25% | |
| 2 | Chủ đề: Phát triển kinh tế - xã hội ở đồng bằng sông Hồng. | Thế mạnh và hạn chế đối với quá trình phát triển kinh tế-xã hội | 4 | | | 1 | | | | 2 | | | | | | | 25% | |
| | | Một số vấn đề phát triển kinh tế | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chủ đề: Phát triển kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ | Khái quát chung | 3 | 1 | | | 1 | | 2 | | | | | | | | 25% | |
| | | Phát triển các ngành kinh tế biển | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Chủ đề: Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Nam Trung Bộ | Khái quát chung | 4 | 2 | | 1 | | | | | | | | | | | 25% | |
| | | Thế mạnh và hạn chế | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Tình hình phát triển kinh tế | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng số câu | | | 18 | | | 4 | | | 6 | | | | | | 28 | | | |
| Tổng số điểm | | | 4,5 | | | 4,0 | | | 1,5 | | | | | | 10,0 | | | |
| Tỉ lệ % | | | 45% | | | 40% | | | 15% | | | | | | 100% | | | |

TTCM



NGUYỄN THỊ ĐỨC

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 12

| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng |
|----|---|--|--|-----------|------------|----------|
| 1 | Chủ đề. Thương mại và du lịch | - Nội thương, ngoại thương - Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu - Tài nguyên và trung tâm du lịch | Nhận biết Trình bày vai trò thương mại và du lịch; kể tên mặt hàng xuất khẩu chủ lực, trung tâm du lịch. Thông hiểu Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng của các ngành thương mại và du lịch Vận dụng Nhận xét số liệu xuất nhập khẩu hoặc khách du lịch; đề xuất biện pháp phát triển du lịch bền vững. Tính toán số liệu liên quan. | 4 | 2 | 1 |
| 2 | Chủ đề. Phát triển kinh tế - xã hội ở đồng bằng sông Hồng. | - Khái quát về vùng - Các thế mạnh để phát triển kinh tế - Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội | Nhận biết: Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. Thông hiểu - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của Đồng bằng sông Hồng. -Phân tích được một số vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội của vùng: Vấn đề phát triển công nghiệp, vấn đề phát triển dịch vụ. Vận dụng Sử dụng được bảng số liệu để hiểu về các thế mạnh của vùng. | 4 | 1 | 2 |
| 3 | Chủ đề. Phát triển kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ | - Khái quát về vùng - Các thế mạnh để phát triển kinh tế - Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội | Nhận biết - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng. Thông hiểu: Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng. Vận dụng: sử dụng được bảng số liệu để hiểu về thế mạnh và hạn chế của vùng. | 4 | 2 | 1 |
| 4 | Chủ đề. Phát triển kinh tế biển ở Nam Trung Bộ | - Khái quát về vùng - Các thế mạnh để phát triển kinh tế - Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội | Nhận biết - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Trình bày được việc phát triển các ngành kinh tế biển. Thông hiểu Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác tài nguyên sinh vật biển, giao thông vận tải biển, du lịch biển, khai thác khoáng sản biển. Vận dụng - Sử dụng bảng số liệu để hiểu về thế mạnh phát triển các ngành kinh tế của vùng. - Nêu được định hướng phát triển kinh tế của vùng. - Liên hệ phát triển kinh tế biển với quốc phòng an ninh. | 4 | 1 | 2 |

| | | | | |
|-----------------------|--|-------------------------|--|--|
| Số câu/ loại câu | | 15 câu TN 4 lựa chọn | 1 câu TN 4 lựa chọn 2 câu TN Đ-S 4 câu trả lời ngắn | 2 câu TN 4 lựa chọn 2 câu TN Đ-S 2 câu trả lời ngắn |
| Tổng hợp chung | | 40% | 30% | 30% |

TTCM



NGUYỄN THỊ ĐỨC

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM

Năm học: 2025-2026

MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KÌ II - MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12

| Chủ đề | Bài | Năng lực môn học | | | | | | | | | Tổng lệnh hỏi |
|--|---|-----------------------|------|-------------|------------------------|------|-------------|---|------|----------------|---------------------|
| | | Điều chỉnh hành vi | | | Phát triển bản thân | | | Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT- XH | | | |
| | | Cấp độ tư duy | | | Cấp độ tư duy | | | Cấp độ tư duy | | | |
| | | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | |
| 7: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế | Bài 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế | 1 | | | | | | | | | 1 |
| | Bài 9: Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác | 1 | | | 1 | | | 1 | | | 3 |
| 8: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội | Bài 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình | 1 | | 1c | 1 | | | 1 | 1a,b | 1d | 7 |
| | Bài 11: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập | 1 | | | | 1 | 3a,b | 1 | 1 | 3c,d | 8 |
| | Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội | | 2 | | | | 3 | | | 2 c,d 2 a,b | 9 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|-----------|
| | Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong về bảo vệ di sản văn hóa, môi trường và tài nguyên thiên nhiên | 2 | 1 | 4a,b | 2 | | 4c,d | 1 | | | 10 |
| 9: Một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế | Bài 14: Một số vấn đề chung về pháp luật quốc tế | 2 | | | | | | | | | 2 |
| Tổng lệnh hỏi | | 8 | 3 | 3 | 4 | 4 | 4 | 4 | 5 | 5 | 40 |

BẢNG ĐẶC TẢ CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG
KIỂM TRA HỌC KÌ II - MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12

| Chủ đề | Bài | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ đánh giá | | |
|--|---|--|---------------------------------|------|----------|
| | | | Biết | Hiểu | Vận dụng |
| 7: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế | Bài 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế | Biết: - Nêu được nghĩa vụ của công dân khi kinh doanh | 1 | | |
| | Bài 9: Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác | Biết: - Nêu được nội dung của nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác - Nêu được quyền của chủ sở hữu đối với tài sản - Xác định được nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác | 3 | | |
| | Bài 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình | Biết: - Nêu được quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân - Nêu được quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình - Phân biệt được mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình Hiểu: - Đánh giá được việc thực hiện quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình - Biết đưa ra đánh giá về việc thực hiện quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình Vận dụng: - Đánh giá được việc thực hiện quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình | 3 | 1a,b | 1c,d |

| | | | | | |
|---|--|--|---|-----------|----------|
| 8: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội | | - Xác định, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân, gia đình | | | |
| | Bài 11: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập | <p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quyền của công dân về học tập - Nêu được nghĩa vụ của công dân về học tập. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quyền học tập - Xác định được việc thực hiện quyền học tập của công dân <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được nội dung quyền học tập - Chỉ ra được hậu quả của hành vi vi phạm quyền học tập của công dân - Đánh giá được việc thực hiện các quyền học tập của công dân - Xác định, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền học tập | 2 | 2 | 3a,b,c,d |
| | Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội | <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được việc thực hiện quyền của công dân trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe - Chỉ ra được nghĩa vụ của công dân trong bảo đảm an sinh xã hội - Chỉ ra được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo đảm an sinh xã hội - Phân biệt được việc thực hiện quyền của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được việc thực hiện quyền của công dân trong bảo đảm an sinh xã hội - Đánh giá được việc thực hiện quyền của công dân trong bảo đảm an sinh xã hội | | 5 2c,d | 2a,b |

| | | | | | |
|---|---|--|------------|--------------------|----------------|
| | | | | | |
| | Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong về bảo vệ di sản văn hóa, môi trường và tài nguyên thiên nhiên | <p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quyền của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa - Nêu được quyền của công dân trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên - Chỉ ra được nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa - Chỉ ra được quyền của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tham gia các hoạt động bảo vệ di sản văn hóa - Xác định được nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa - Xác định được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa - Xác định được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa | 5 | 1 | 4a,b,c,d |
| 9: Một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế | Bài 14: Một số vấn đề chung về pháp luật quốc tế | <p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được 1 số nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế - Chỉ ra được vai trò của pháp luật quốc tế | 2 | | |
| Tổng lệnh hỏi | | | 16 | 8 và 4 lệnh | 12 lệnh |
| Tỉ lệ % | | | 40% | 30% | 30% |
| Tỉ lệ chung | | | 70% | | 30% |

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM
BỘ MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II- NĂM HỌC: 2025 -2026

KHỐI 12

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 7 và chủ đề 8 GDĐP 12. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

| Stt | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng số câu | | Tổng thời gian | Tỷ lệ % | tổng số câu TN và TL |
|-----|---|--|-------------------------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|--------------|-----------|-------------|------------|----------------|---------|----------------------|
| | | | NHẬN BIẾT | | THÔNG HIỂU | | Vận dụng | | Vận dụng cao | | | | | | |
| | | | Câu hỏi TN | Thời gian | Câu hỏi TN | Thời gian | Câu hỏi TL | Thời gian | Câu hỏi TL | Thời gian | Câu hỏi TN | Câu hỏi TL | | | |
| 1 | Chủ đề 7: Vai trò của lễ hội truyền thống tại Thành phố Hồ Chí Minh trong việc duy trì, phát huy các giá trị văn hoá dân tộc (3 tiết) | <ul style="list-style-type: none"> – Kể tên được một số lễ hội truyền thống tiêu biểu tại Thành phố Hồ Chí Minh. – Trình bày được giá trị văn hoá của các lễ hội truyền thống tiêu biểu tại Thành phố Hồ Chí Minh. – Nêu được thực trạng của các lễ hội truyền thống tiêu biểu tại Thành phố Hồ Chí Minh. | 4 | | 2 | | 1 | | | | 6 | 1 | 20,25 | 50% | 8 |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|-------------|--|--|-----------|----------|--|--|----------|--|-----------|----------|-----------|--------------|--|-----------|
| | | – Đề xuất được một số giải pháp để bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc từ các lễ hội truyền thống tiêu biểu tại Thành phố Hồ Chí Minh | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chủ đề 8: Ý tưởng khởi nghiệp cho học sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh (3 tiết) | – Xây dựng được ý tưởng khởi nghiệp của bản thân. – Lập được kế hoạch khởi nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng nguyên tắc 4S và mô hình chiến lược 4P phù hợp với kế hoạch khởi nghiệp của bản thân. – Nhận ra được những điểm mạnh của bản thân, định hướng phù hợp để phát triển trong tương lai. | 6 | 2 | | | 1 | | 8 | 1 | 20,25 | 50% | | 8 |
| Tổng | | | 10 | 4 | | | 1 | | 14 | 2 | 45 | 100 % | | 16 |

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II- GDDP 12 - NĂM HỌC: 2025-2026**I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA**

- Nội dung: Chủ đề 7 và chủ đề 8. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

| Stt | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra | Câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
|-----|---|--|--|-------------------------------|------------|------------|--------------|
| | | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| | | | | Câu hỏi TN | Câu hỏi TN | Câu hỏi TL | Câu hỏi TL |
| 1 | Chủ đề 7: Vai trò của lễ hội truyền thống tại Thành phố Hồ Chí Minh trong việc duy trì, phát huy các giá trị văn hoá dân tộc | <ul style="list-style-type: none"> – Kể tên được một số lễ hội truyền thống tiêu biểu tại Thành phố Hồ Chí Minh. – Trình bày được giá trị văn hoá của các lễ hội truyền thống tiêu biểu tại Thành phố Hồ Chí Minh. – Nêu được thực trạng của các lễ hội truyền thống tiêu biểu tại Thành phố Hồ Chí Minh. | Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện và kể tên được các lễ hội truyền thống tiêu biểu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ví dụ: Lễ hội Nghinh Ông Cần Giờ, Lễ hội miếu Lãng Ông Lê Văn Duyệt, Lễ hội Tết Nguyên tiêu ở khu vực Chợ Lớn, Lễ hội miếu Bà Thiên Hậu...). - Trình bày được các thông tin cơ bản gắn liền với từng lễ hội: thời gian diễn ra, địa điểm tổ chức, đối | 4 | 2 | 1 | |

| | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|--|--|
| | | <p>– Đề xuất được một số giải pháp để bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc từ các lễ hội truyền thống tiêu biểu tại Thành phố Hồ Chí Minh</p> | <p>tượng suy tôn (thần linh, danh nhân lịch sử) và các hoạt động nghi lễ, hội hè đặc trưng.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Phân tích và diễn giải được các giá trị văn hóa sâu sắc của lễ hội truyền thống (giá trị giáo dục đạo lý "uống nước nhớ nguồn", tính gắn kết cộng đồng, giá trị tâm linh, và giá trị nghệ thuật diễn xướng dân gian).</p> <p>- Khái quát và làm rõ được thực trạng công tác tổ chức và quản lý các lễ hội truyền thống tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Cụ thể, phân biệt được mặt tích cực (lễ hội được phục dựng, duy trì quy mô, thu hút đông đảo du khách) và mặt hạn chế (hiện tượng thương mại hóa, nguy cơ mai một bản sắc gốc, mê tín dị đoan hoặc ùn tắc, mất vệ sinh môi trường).</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>- Đánh giá được vai trò của các lễ hội này trong bối cảnh đô thị hóa và hội nhập quốc tế hiện nay tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó liên hệ trực tiếp đến trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc gìn giữ di sản.</p> <p>- Thiết kế và đề xuất được các nhóm giải pháp mang tính khả thi, sáng tạo để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của lễ hội. Các giải pháp có thể đa dạng hóa từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Góc độ truyền thông:</i> Ứng dụng mạng xã hội, công nghệ số, thực tế ảo (VR/AR) để quảng bá di sản. • <i>Góc độ giáo dục:</i> Đưa trải nghiệm thực tế lễ hội vào các dự án học tập ngoại khóa. | | | | |
|--|--|--|---|--|--|--|--|

| | | | | | | | |
|---|---|---|--|---|---|--|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> <i>Góc độ kinh tế - xã hội:</i> Gắn kết việc bảo tồn lễ hội với phát triển du lịch văn hóa bền vững, tạo nguồn thu quay ngược lại tu bổ di tích mà không làm biến tướng các nghi lễ thiêng liêng. | | | | |
| 2 | Chủ đề 8: Ý tưởng khởi nghiệp cho học sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh | <p>– Xây dựng được ý tưởng khởi nghiệp của bản thân.</p> <p>– Lập được kế hoạch khởi nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng nguyên tắc 4S và mô hình chiến lược 4P phù hợp với kế hoạch khởi nghiệp của bản thân.</p> <p>– Nhận ra được những điểm mạnh của bản thân, định hướng phù hợp để phát triển trong tương lai.</p> | <p>Nhận biết</p> <p>- Trình bày được khái niệm về khởi nghiệp và các yếu tố cấu thành một ý tưởng khởi nghiệp cơ bản.</p> <p>- Liệt kê và gọi tên được các thành tố trong mô hình chiến lược 4P (Product - Sản phẩm, Price - Giá cả, Place - Phân phối, Promotion - Xúc tiến) và các tiêu chí của nguyên tắc 4S áp dụng trong kinh doanh/dịch vụ.</p> <p>- Nhận diện và kể ra được những sở thích, kỹ năng, năng lực và điểm mạnh nổi trội của chính bản thân mình</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Giải thích được tính khả thi và sự phù hợp của ý tưởng khởi nghiệp với bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội và nhu cầu thị trường thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Phân tích được vai trò và ý nghĩa của từng yếu tố 4P và nguyên tắc 4S khi áp dụng vào một mô hình kinh doanh cụ thể (hiểu được tại sao phải định giá như vậy, tại sao chọn kênh phân phối đó...).</p> <p>- Lý giải được mối liên hệ logic giữa điểm mạnh của bản thân với ý tưởng khởi nghiệp (điểm mạnh đó</p> | 6 | 2 | | 1 |

| | | | | | | |
|------------------------|--|---|-----------|----------|----------|----------|
| | | <p>giúp ích gì cho dự án) và định hướng nghề nghiệp trong tương lai.</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>- Thiết kế và xây dựng hoàn chỉnh một ý tưởng khởi nghiệp mang tính đổi mới, sáng tạo, giải quyết được một "nỗi đau" (pain point) hoặc đáp ứng một nhu cầu ngách tiềm năng tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Lập bản kế hoạch khởi nghiệp chi tiết, mang dấu ấn cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Vận dụng linh hoạt, sắc bén mô hình 4P để tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt. • Tích hợp nguyên tắc 4S vào quy trình vận hành hoặc chăm sóc khách hàng để tối ưu hóa dự án. • Kế hoạch phải chặt chẽ, có số liệu giả định hợp lý và khả năng thuyết phục nhà đầu tư (hoặc giáo viên chấm). <p>- Hoạch định lộ trình phát triển bản thân: Dựa trên việc phân tích SWOT cá nhân, đề xuất được kế hoạch hành động cụ thể trong tương lai (cần học thêm kỹ năng gì, trải nghiệm ở đâu) để phát huy tối đa điểm mạnh, khắc phục điểm yếu nhằm hiện thực hóa thành công dự án khởi nghiệp đó.</p> | | | | |
| Tổng số câu: 16 | | | 10 | 4 | <i>1</i> | <i>1</i> |

I. Mục đích yêu cầu:

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong bài 8
- Năng lực:* Đánh giá năng lực, nhận thức và tư duy qua những nội dung đã học, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thực hành vận dụng các tư thế, động tác cơ bản trong chiến đấu
- Phẩm chất:* Giáo dục ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.

II. Hình thức và số câu kiểm tra:

- Thực hành (10 điểm).
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. Ma trận

| TT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng | | % tổng điểm | |
|------------------------|---|--|------------------|------------------|------------|------------------|-----------|------------------|--------------|------------------|-------|----|-------------|------------------|
| | | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | | Số CH | | | Thời gian (Phút) |
| | | | Số CH | Thời gian (Phút) | Số CH | Thời gian (Phút) | Số CH | Thời gian (Phút) | Số CH | Thời gian (Phút) | TN | TH | | |
| 1 | Vận dụng các tư thế, động tác cơ bản khi vận động trong chiến đấu | Trường hợp vận dụng các tư thế, động tác vận động cơ bản trong chiến đấu | 1 | 2 | | | | | | | | 1 | 2 | 10 |
| | | Thực hành vận dụng các tư thế, động tác cơ bản trong chiến đấu | | | | | 1 | 43 | | | | 1 | 43 | 90 |
| Tổng | | | 1 | 2 | | | 1 | 43 | | | 0 | 2 | 45 | 100 |
| Tỉ lệ (%) | | | 10 | | | | 90 | | 00 | | | | | |
| Tỉ lệ chung (%) | | | 10 | | | | 90 | | | | | | | |

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDQP- lớp 12 (Thực hành)

| STT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
|-------------------------------------|---|--|---|----------------------------------|------------|------------------|--------------|
| | | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Chủ đề : CHIẾN THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH | Trường hợp vận dụng các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu | Nhận biết: Nhận biết được trường hợp vận dụng động tác nằm bấp súng tiểu liên AK | (1đ) | | | |
| | | Thực hành vận dụng các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu | Vận dụng: Thực hành vận dụng các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu | | | (9đ) | |
| Tổng số câu, điểm | | | | 1 (1 đ) | | 1 (9 đ) | |
| Tỉ lệ % các mức độ nhận thức | | | | 10% | | 90% | |

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong kỹ thuật xuất phát bơi trườn sấp và bơi ếch.
- Năng lực:* Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:* Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

| T T | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng | | Tổng điểm % | |
|--------|------------------------|------------------------|------------------|------------------|------------|------------------|----------|------------------|--------|------------------|-------|----|-------------|------------------|
| | | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | VD cao | | Số CH | | | Thời gian (phút) |
| | | | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | TN | TL | | |
| 1 | Kỹ thuật bơi trườn sấp | Kỹ thuật bơi ếch | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 | 3 | | | 5 | | 5 | 50 |
| | | Kỹ thuật bơi trườn sấp | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 | 3 | | | 5 | | 5 | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|--------------------------|--|---|-----------|---|-----------|---|-----------|---|-----------|----|----|--|---|----|----|
| | | Thực hành (chọn 1 trong 2 đề) - Đề 1: Bơi trườn sấp 50m tính thời gian - Đề 2: Bơi ếch 50m tính thời gian | | | | | | | | 1 | 30 | | 1 | 30 | 50 |
| | | Tổng | 2 | 2 | 2 | 2 | 6 | 6 | 1 | 30 | | | | | |
| Tỉ lệ % mức độ nhận thức | | | 10 | | 10 | | 30 | | 50 | | | | | | |

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 12 – BỒI LỢI (Trắc nghiệm và Thực hành)

| STT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
|-----|--------------------|------------------------|---|----------------------------------|------------|----------|--------------|
| | | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Kĩ thuật bơi | Kĩ thuật bơi ếch | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nhận ra tư thế cơ bản của bơi ếch: thân người nằm sấp, tay quạt sang ngang rồi khép lại, chân co và đạp ra sau. Biết các giai đoạn chính: động tác tay, động tác chân, thở và phối hợp toàn thân. - Thông hiểu: Giải thích được vì sao phải phối hợp tay, chân và nhịp thở đúng lúc. Phân biệt được lỗi thường gặp như đạp chân không đúng, tay quạt quá rộng hoặc ngẩng đầu quá cao. - Vận dụng: Thực hiện được các động tác tay, chân và thở đúng kỹ thuật; phối hợp hoàn chỉnh động tác bơi ếch trong thực tế. Vận dụng kiểu bơi ếch để bơi quãng ngắn, quãng dài hoặc tham gia học tập, rèn luyện sức khỏe. | 1 (0,5 đ) | 1(0,5 đ) | 3(0,5 đ) | |
| | | Kĩ thuật bơi trườn sấp | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nhận ra tư thế cơ bản: người nằm sấp, tay quạt nước luân phiên, chân đạp liên tục. Biết các bộ phận phối hợp trong bơi trườn sấp gồm tay, chân, thân người và nhịp thở. - Thông hiểu: Giải thích được vì sao cần phối hợp nhịp nhàng giữa tay, chân và hơi thở. Hiểu rằng tay tạo lực kéo chính, chân giúp giữ thăng bằng và hỗ trợ di chuyển. Phân biệt được các lỗi thường gặp như ngẩng đầu quá cao, đạp chân quá mạnh hoặc thở sai nhịp. - Vận dụng: Thực hiện đúng động tác tay, chân và thở của kiểu bơi trườn sấp. Phối hợp hoàn chỉnh các động tác để bơi được một quãng ngắn. Vận dụng kỹ thuật để bơi nhanh, tiết kiệm sức và sửa các lỗi sai khi thực hành. | 1(0,5 đ) | 1(0,5 đ) | 3(0,5 đ) | |

| | | | | | | | |
|--|---|--|--|--|--|--|--------|
| | <p>Thực hành (chọn 1 trong 2 đề)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề 1: Bơi trườn sấp 50m tính thời gian - Đề 2: Bơi ếch 50m tính thời gian | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: nhận biết kiểu bơi - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng nhịp độ, biên độ. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. | | | | | 1 (5đ) |
|--|---|--|--|--|--|--|--------|

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Phối hợp di chuyển chuyên bóng cao tay bằng hai tay trước mặt.
- Năng lực:* Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:* Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III.MA TRẬN

| S T T | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng | | Tổng điểm % | |
|-------------|--|--|------------------|------------------|------------|------------------|----------|------------------|--------|------------------|-------|----|-------------|------------------|
| | | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | VD cao | | Số CH | | | Thời gian (phút) |
| | | | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | TN | TL | | |
| b1 | Chủ đề 1: Phối hợp di chuyển chuyên bóng cao tay bằng | Kỹ thuật chuyên bóng cao tay | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 | 3 | | | 5 | | 5 | 50 |
| | | Phối hợp di chuyển chuyên bóng cao tay | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 | 3 | | | 5 | | 5 | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|--------------------------|--------------------------|---|----|---|----|---|----|---|----|----|----|--|----|-----|
| | hai tay trước mặt | Thực hành: Kỹ thuật chuyền bóng cao tay | | | | | | | 1 | 15 | | | | 25 |
| | | Thực hành: Phối hợp di chuyển chuyền bóng cao tay | | | | | | | 1 | 20 | | | | 25 |
| Tổng | | | 2 | 2 | 2 | 2 | 6 | 6 | | | 10 | | 10 | 100 |
| Tỉ lệ % mức độ nhận thức | | | 10 | | 10 | | 30 | | 50 | | 50 | | | |

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 12 BÓNG CHUYỀN (Trắc nghiệm và Thực hành)

| STT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
|-----|---|---|---|----------------------------------|------------|----------|--------------|
| | | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Chủ đề: Kĩ thuật đập bóng và phát bóng cao tay | Kỹ thuật chuyên bóng cao tay | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật chuyên bóng cao tay. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. | 1 (0,5 đ) | 1(0,5 đ) | 3(1,5 đ) | |
| | | Phối hợp di chuyển chuyên bóng cao tay | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật di chuyển chuyên bóng cao tay. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. | 1(0,5 đ) | 1(0,5 đ) | 3(1,5 đ) | |
| | | Thực hành: Kỹ thuật chuyên bóng cao tay | <ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi chuyên bóng cao tay. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng chuyên. | | | | 1(2,5 đ) |
| | | Thực hành: Phối hợp di chuyển chuyên bóng cao tay | <ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi di chuyển chuyên bóng cao tay. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng chuyên. | | | | 1(2,5 đ) |

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 4: Kỹ thuật đánh đầu.
- Năng lực:* Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:* Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

| T T | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng | | Tổng điểm % | |
|--------|-----------------------------|---|------------------|------------------|------------|------------------|----------|------------------|--------|------------------|-------|----|------------------|----|
| | | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | VD cao | | Số CH | | Thời gian (phút) | |
| | | | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | TN | TL | | |
| 1 | Chủ đề 4: Kỹ thuật đánh đầu | Kỹ thuật di chuyển ra trước bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa. | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 | 3 | | | 5 | | 5 | 50 |
| | | Kỹ thuật tại chỗ bật nhảy đánh đầu bằng trán bên. | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 | 3 | | | 5 | | 5 | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|--------------------------|--|--|----|---|----|---|----|---|----|----|----|--|----|-----|
| | | Thực hành: Kỹ thuật di chuyển ra trước bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa. | | | | | | | 1 | 18 | | | | 25 |
| | | Thực hành: Kỹ thuật tại chỗ bật nhảy đánh đầu bằng trán bên. | | | | | | | 1 | 17 | | | | 25 |
| Tổng | | | 2 | 2 | 2 | 2 | 6 | 6 | | | 10 | | 10 | 100 |
| Tỉ lệ % mức độ nhận thức | | | 10 | | 10 | | 30 | | 50 | | 50 | | | |

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 12 – BÓNG ĐÁ (Trắc nghiệm và Thực hành)

| STT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
|-----|----------------------------|--|---|----------------------------------|------------|----------|--------------|
| | | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Chủ đề: Kĩ thuật đánh đầu. | Kĩ thuật di chuyển ra trước bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật dừng bóng bằng mu giữa bàn chân. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. | 1 (0,5 đ) | 1(0,5 đ) | 3(1,5 đ) | |
| | | Kĩ thuật tại chỗ bật nhảy đánh đầu bằng trán bên. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật dừng bóng nửa nảy bằng gan bàn chân. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. | 1(0,5 đ) | 1(0,5 đ) | 3(1,5 đ) | |
| | | Thực hành: Kĩ thuật di chuyển ra trước bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa. | <ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được kĩ thuật dừng bóng bằng mu giữa bàn chân. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá. | | | | 1(2,5 đ) |
| | | Thực hành: Kĩ thuật tại chỗ bật nhảy đánh đầu bằng trán bên. | <ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được kĩ thuật dừng bóng nửa nảy bằng gan bàn chân. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá. | | | | 1(2,5 đ) |

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ thuật chụp cầu trên lưới.
- Năng lực:* Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:* Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III.MA TRẬN

| S T T | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng | | Tổng điểm % | |
|-------------|---|---|------------------|------------------|------------|------------------|----------|------------------|--------|------------------|-------|----|------------------|----|
| | | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | VD cao | | Số CH | | Thời gian (phút) | |
| | | | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | TN | TL | | |
| b1 | Chủ đề 1: Kỹ thuật chụp cầu trên lưới. | Kỹ thuật chụp cầu phần sân phía bên tay thuận | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 | 3 | | | 5 | | 5 | 50 |
| | | Kỹ thuật chụp cầu phần sân phía bên tay trái. | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 | 3 | | | 5 | | 5 | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|--------------------------|--|---|----|---|----|---|----|---|----|----|----|--|----|-----|
| | | Thực hành: Kỹ thuật chụp cầu phần sên phía bên tay thuận. | | | | | | | 1 | 15 | | | | 25 |
| | | Thực hành: Kỹ thuật chụp cầu phần sên phía bên tay trái. | | | | | | | 1 | 20 | | | | 25 |
| Tổng | | | 2 | 2 | 2 | 2 | 6 | 6 | | | 10 | | 10 | 100 |
| Tỉ lệ % mức độ nhận thức | | | 10 | | 10 | | 30 | | 50 | | 50 | | | |

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 12 – CẦU LÔNG (Trắc nghiệm và Thực hành)

| STT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
|-----|-------------------------------------|---|---|----------------------------------|------------|----------|--------------|
| | | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Chủ đề: Kĩ thuật chụp cầu trên lưới | Kĩ thuật chụp cầu phần sân phía bên tay thuận. | - Nhận biết: Nắm và thực hiện được kỹ thuật chụp cầu vào phần sân phía bên tay thuận. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. | 1 (0,5 đ) | 1(0,5 đ) | 3(1,5 đ) | |
| | | Kĩ thuật chụp cầu phần sân phía bên tay trái. | - Nhận biết: Nắm và thực hiện được kỹ thuật chụp cầu vào phần sân phía bên tay trái. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. | 1(0,5 đ) | 1(0,5 đ) | 3(1,5 đ) | |
| | | Thực hành: Kĩ thuật chụp cầu phần sân phía bên tay thuận. | - Thông hiểu: Nắm được kỹ thuật chụp cầu vào phần sân phía bên tay thuận. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu cầu lông. | | | | 1(2,5 đ) |
| | | Thực hành: Kĩ thuật chụp cầu phần sân phía bên tay trái. | - Thông hiểu: Nắm được kỹ thuật chụp cầu vào phần sân phía bên tay trái. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu cầu lông. | | | | 1(2,5 đ) |

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 3: Kỹ thuật ném bóng khi đứng dưới rổ.
- Năng lực:* Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:* Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

| T T | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng | | Tổng điểm % | |
|--------|--------------------------|-------------------------------------|------------------|------------------|------------|------------------|----------|------------------|--------|------------------|-------|----|-------------|------------------|
| | | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | VD cao | | Số CH | | | Thời gian (phút) |
| | | | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | TN | TL | | |
| 1 | Chủ đề : Kỹ thuật ném rổ | Kỹ thuật chuyền bắt bóng và ném rổ. | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 | 3 | | | 5 | | 5 | 50 |
| | | Kỹ thuật ném bóng khi đứng dưới rổ. | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 | 3 | | | 5 | | 5 | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|--------------------------|--|--|----|---|----|---|----|---|----|----|----|--|----|-----|
| | | Thực hành: Kỹ thuật chuyên bắt bóng và ném rổ | | | | | | | 1 | 15 | | | | 25 |
| | | Thực hành: Kỹ thuật ném bóng khi đứng dưới rổ. | | | | | | | 1 | 20 | | | | 25 |
| Tổng | | | 2 | 2 | 2 | 2 | 6 | 6 | | | 10 | | 10 | 100 |
| Tỉ lệ % mức độ nhận thức | | | 10 | | 10 | | 30 | | 50 | | 50 | | | |

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 12 (Trắc nghiệm và Thực hành)

| STT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
|-----|---------------------------------|--|--|----------------------------------|------------|----------|--------------|
| | | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Chủ đề: Kĩ thuật ném rổ. | Kĩ thuật chuyên bắt bóng và ném rổ | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật Kĩ thuật chuyên bắt bóng và ném rổ đúng kỹ thuật. - Thông hiểu: Thực hiện động tác đúng tư thế, có thể sửa lỗi sai cho bạn tập. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào luyện tập và thi đấu thực tế. - Vận dụng cao: Phối hợp kỹ thuật linh hoạt trong thi đấu và tập luyện. | 1 (0,5 đ) | 1(0,5 đ) | 3(1,5 đ) | |
| | | Kĩ thuật ném bóng khi đứng dưới rổ. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác ném bóng khi đứng dưới rổ đúng kỹ thuật. - Thông hiểu: Thực hiện động tác đúng tư thế, có thể sửa lỗi sai cho bạn tập. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào luyện tập và thi đấu thực tế. - Vận dụng cao: Phối hợp kỹ thuật linh hoạt trong thi đấu và tập luyện. | 1(0,5 đ) | 1(0,5 đ) | 3(1,5 đ) | |
| | | Thực hành: Kĩ thuật chuyên bắt bóng và ném rổ | <ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi chuyên bắt bóng và ném rổ. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng rổ. | | | | 1(2,5 đ) |
| | | Thực hành: Kĩ thuật ném bóng khi đứng dưới rổ. | <ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi ném rổ. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng rổ. | | | | 1(2,5 đ) |

Trường TH- THCS-THPT Ngô Thời Nhiệm
 Tổ Nghệ Thuật
 Bộ môn Âm nhạc

BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG ÂM NHẠC LỚP 12 (CUỐI HKII)

| TT | Mạch nội dung | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Hình thức đánh giá | |
|--|---------------|--|---|--------------------|---------|
| | | | | Thường xuyên | Định kỳ |
| 1 | Nhạc cụ | <p>Đàn phím điện tử: Bài 1: Thực hành đàn liên tiếng: <i>Độc tấu: Trích đoạn Aquí Zamora. (Nhạc Luis Escurra)</i> <i>Đệm hát: Thương ca Tiếng Việt (Trích) (Nhạc: Đức Trí. Lời Hà Quang Minh)</i> Bài 2: Thực hành đàn này tiếng: Độc tấu : <i>Triệu triệu bông hồng.</i> Đệm hát: <i>Sóng sông Danube.</i></p> | <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế. | X | X |
| | | | <p>Nhận biết được có bộ phận cơ bản của nhạc cụ</p> | X | |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Biết tên gọi và cách sử dụng nhạc cụ | X | |
| | | | <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết nhận xét về cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác. | X | |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Biết bảo quản nhạc cụ và điều chỉnh âm thanh đúng cách. | X | X |
| | | | <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng đúng kĩ thuật để thể hiện bản nhạc hoàn chỉnh, chủ động điều chỉnh tốc độ, sắc thái phù hợp với bài nhạc | X | X |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu và hoà tấu bản nhạc; biết ứng tác và biến tấu đơn giản khi chơi nhạc cụ. | X | X |
| <ul style="list-style-type: none"> - Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. | X | X | | | |
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát. | | | X |

| | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|
| | | | - Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp. | | |
|--|--|--|---|--|--|

| TT | Mạch nội dung | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Hình thức đánh giá | |
|----|---------------|--|--|--------------------|---------|
| | | | | Thường xuyên | Định kì |
| 2 | Thanh nhạc | Bài 1: Thực hành hát liền tiếng - <i>Hà nội mùa thu</i> - <i>Ước mơ dịu dàng</i> Bài 2: Thực hành hát nẩy tiếng - <i>Sóng sông Danube.</i> - <i>Guitar xanh</i> | Nhận biết: - Nêu được tên bài hát, tên tác giả, nội dung, thể loại hoặc giá trị nghệ thuật của bài hát. | X | X |
| | | | - Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng. - Nhận biết được nhịp điệu nhanh chậm của bài hát, nắm được cao độ lên xuống trong bản nhạc | X | |
| | | | Thông hiểu: - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của bài hát, sự hoà quyện của các bè. - Biết nhận xét, đánh giá về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác. | X | |
| | | | | X | |

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; điều tiết hơi thở hợp lí; mở rộng âm vực; duy trì được tốc độ ổn định. -Biết hát đơn ca, song ca; hát tốp ca, đồng ca với 2 hoặc 3 bè đơn giản. - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc - Biết hát hợp xướng đơn giản - Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp - Biết dàn dựng và biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường. | <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> | <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> |
|--|--|--|---|--|

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2025-2026
MÔN MĨ THUẬT LỚP 12

| Mạch nội dung | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá |
|------------------------------------|---|--|
| Mĩ thuật tạo hình (Hội họa/Đồ họa) | Yếu tố và nguyên lí tạo hình: - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, không gian, chữ viết. - Cân bằng, tương phản, nhịp điệu, tỉ lệ, hài hòa. Thể loại: Thiết kế đồ họa (Tranh quảng cáo sản phẩm) | Nhận biết: - Xác định được sản phẩm cần quảng cáo và đối tượng khách hàng hướng tới. Thông hiểu: - Biết cách sắp xếp bố cục giữa "Hình" và "Chữ" trong tranh quảng cáo. - Biết sử dụng chất liệu để tạo hiệu ứng thị giác. Vận dụng: - Vận dụng được nguyên lí tương phản (màu sắc, kích thước) để làm nổi bật sản phẩm chính. - Tạo được thông điệp ngắn gọn, ấn tượng. Vận dụng cao: - Sản phẩm có tính thẩm mỹ cao, mang phong cách cá nhân. - Có khả năng ứng dụng làm mẫu in ấn hoặc trưng bày thực tế. |